

NGUYỄN THỊ KIM DUNG

Đọc thắm và làm bài tập
trắc nghiệm

Tiếng Việt

2

TẬP HAI



NHÀ XUẤT BẢN
TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ KIM DUNG
HỒ THỊ VÂN ANH

Đọc thầm và Làm bài tập

TRẮC NGHIỆM

TIẾNG VIỆT

2

TẬP HAI



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐỌC THẨM & LÀM BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM TIẾNG VIỆT 2 – TẬP HAI

NGUYỄN THỊ KIM DUNG – HỒ THỊ VÂN ANH

Chịu trách nhiệm xuất bản:
NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG

Biên tập: TRẦN THỊ LY
Sửa bản in: SƠN CA
Trình bày: TƯỜNG NGHỊ
Bìa: TƯỜNG LINH

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH
62 Nguyễn Thị Minh Khai – Q1
Điện thoại: 38225340 – 38296764 – 38220405 – 38296713
38223637
Fax: 84.83.822726
Email: tonghop@nxbhcm.com.vn
Website: www.nxbhcm.com.vn/ www.sachweb.vn

Thực hiện liên doanh: NHÀ SÁCH SAO MAI

In lần thứ: 2. Số lượng: 2000 cuốn, khổ 16 x 24 cm.
Tại CÔNG TY TNHH MTV in Đường Sắt Sài Gòn.
Địa chỉ: 136/1A Trần Phú, Quận 5, TP. HCM.
GPXB số: 620-13/CXB/224-58/THTPHCM.
In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2013.

HỌC KÌ II TUẦN 19

Đọc thẩm bài tập đọc sau:

Chuyện bốn mùa

1. Một ngày đầu năm, bốn nàng tiên Xuân, Hạ, Thu, Đông gặp nhau. Đông cầm tay Xuân, bảo:

- Chị là người sung sướng nhất đấy! Ai cũng yêu chị. Chị về, vườn cây nào cũng đâm chồi nảy lộc.

Xuân nói:

- Nhưng phải có nắng của em Hạ, cây trong vườn mới đơm trái ngọt. Có em Hạ, các cô cậu học trò mới được nghỉ hè.

Cô nàng Hạ tinh nghịch xen vào:

- Thế mà thiếu nhi lại thích em Thu nhất. Không có Thu, làm sao có vườn bưởi chín vàng, có đêm trăng rằm rước đèn, phá cỗ...

Đông, giọng buồn buồn:

- Chỉ có em là chẳng ai yêu.

Thu đặt tay lên vai Đông, thủ thỉ:

- Có em mới có bập búng bếp lửa nhà sàn, có giấc ngủ ấm trong chăn. Sao lại có người không thích em được?

2. Bốn nàng tiên mãi chuyện trò, không biết bà Đất đến bên cạnh từ lúc nào. Bà vui vẻ góp chuyện:

- Các cháu mỗi người một vẻ. Xuân làm cho cây lá tươi tốt. Hạ cho trái ngọt, hoa thơm. Thu làm cho trời xanh cao, cho học sinh nhớ ngày tựu trường. Còn cháu Đông, ai mà ghét cháu được! Cháu có công ấp ủ mầm sống để xuân về cây cối đâm chồi nảy lộc. Các cháu đều có ích, đều đáng yêu.

Theo TỪ NGUYỄN TĨNH

Dựa vào nội dung bài tập đọc trên, trả lời các câu hỏi 1, 2, 3:

1. Bốn nàng tiên trong truyện tượng trưng cho những mùa nào trong năm?

- a) Mùa Xuân
- b) Mùa Hạ
- c) Mùa Thu
- d) Mùa Xuân, mùa Hạ, mùa Thu, mùa Đông.

2. Các em có biết vì sao khi mùa xuân về, vườn cây nào cũng đâm chồi nảy lộc không?

- a) Vì mùa xuân là mùa khởi đầu của một năm, không khí mát mẻ.
- b) Vì mùa xuân thời tiết ấm áp, có mưa xuân.
- c) Vì mùa xuân đến khí trở nên buốt giá, hợp với sự phát triển của cây cối.
- d) Vì mùa xuân có mưa rào làm ẩm đất, hợp với sự phát triển của cây cối.

3. Theo lời của nàng Đông và bà Đất, mùa xuân có gì hay?

- a) Xuân về cây lá tốt tươi.
- b) Xuân về cây cối đâm chồi nảy lộc.
- c) Xuân về cây lá tốt tươi, cây cối đâm chồi nảy lộc.
- d) Ấp ủ mầm sống để xuân về cây cối đâm chồi nảy lộc.

4. Dòng nào dưới đây nêu đúng lời kể của tranh 2 trong truyện *Bốn mùa* (SGK Tiếng Việt lớp 2, tập 2, trang 6)?

- a) Xuân dịu dàng nói:
 - Nhưng phải có nắng của em Hạ thì cây trong vườn mới đơm hoa kết trái, các cô cậu học sinh mới được nghỉ hè chứ.
- b) Hạ tinh nghịch xen vào:
 - Thế mà thiếu nhi lại thích em Thu nhất. Thu đến làm cho vườn bưởi chín vàng, có đêm rằm rước đèn, phá cỗ...

c) Vào một ngày đầu năm, bốn nàng tiên xinh đẹp gặp nhau.

Đông cầm tay Xuân nói:

– Chị là người sung sướng nhất đấy! Ai cũng yêu chị. Chị về, vườn cây nào cũng đâm chồi nảy lộc.

d) Riêng Đông buồn rầu nói:

– Chỉ có em là chẳng ai yêu.

Thu đặt tay lên vai Đông thủ thỉ:

– Có em mới có ánh lửa bập bùng bếp lửa nhà sàn, có giấc ngủ ấm trong chăn. Sao lại có người không thích em được ...

Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời câu hỏi 5, 6, 7:

Xuân làm cho cây lá tốt tươi. Hạ cho trái ngọt, hoa thơm. Thu làm cho trời xanh cao, cho học sinh nhớ ngày tựu trường. Còn cháu Đông, ai mà ghét cháu được! Cháu có công ấp ủ mầm sống để xuân về cây cối đâm chồi nảy lộc. Các cháu đều có ích, đều đáng yêu.

5. Đoạn văn trên gồm mấy câu?

- a) Bốn.
- b) Năm.
- c) Sáu.
- d) Bảy.

6. Đoạn văn trên có mấy tên riêng?

- a) Ba.
- b) Bốn.
- c) Năm.
- d) Sáu.

7. Trong đoạn văn trên có mấy chữ bắt đầu bằng / ?

- a) Hai.
- b) Ba.
- c) Bốn.
- d) Năm.

Đọc kĩ bài tập đọc sau và trả lời các câu hỏi 8, 9, 10:

Lá thư nhấm địa chỉ

Mai đang giúp mẹ treo tranh Tết, chợt nghe tiếng bác đưa thư:

- Nhà 58 có thư nhé!

Cầm phong thư trên tay, Mai ngạc nhiên:

- Mẹ ơi, nhà mình có ai tên là Tường không nhỉ?

Mẹ dùng tay:

- Nhà chỉ có ba người, làm gì còn ai tên là Tường nữa!

Nhưng đúng là thư gửi cho nhà mình mà.

Mẹ cầm phong thư xem rồi bảo:

- Có lẽ người gửi đã ghi nhầm số nhà. Con đừng bóc thư, để trả lại bưu điện. À, hay là con đi hỏi bác Nga xem bác có biết ai là Tường không, chuyển giúp cho họ.

Cầm lá thư đi, Mai thầm mong bác tổ trưởng biết ông Tường để lá thư này không phải vòng về Hải Phòng xa xôi nữa.

HẢO MINH

8. Nhận được phong thư, Mai ngạc nhiên về điều gì?

- a) Vì người nhận thư là ông Tạ Văn Tường.
- b) Vì lá thư đó không ghi rõ người nhận.
- c) Vì lá thư đó quá to so với những lá thư khác.
- d) Vì lá thư đó đã sai địa chỉ.

9. Tại sao mẹ bảo Mai đừng bóc thư của ông Tường?

- a) Vì bóc thư của người khác là không lịch sự.
- b) Vì bóc thư của người khác là thiếu văn hóa.
- c) Vì bóc thư của người khác là phạm pháp.
- d) Cả a, b, c đều đúng.

10. Vì sao lá thư của ông Nhân không đến tay người nhận?

- a) Vì bì thư không ghi đúng địa chỉ của người nhận.
- b) Vì bì thư không ghi đúng quy định của bưu điện.
- c) Vì bì thư không dán tem.
- d) Vì bì thư quá lớn không đúng quy định của bưu điện.

11. Mùa thu bắt đầu từ tháng nào? Kết thúc vào tháng nào?

- a) Tháng sáu – tháng tám
- b) Tháng bảy – tháng chín
- c) Tháng tám – tháng mười
- d) Tháng chín – tháng mười một.

12. Dòng nào dưới đây nêu đúng cấu tạo của chữ hoa *Ph*?

- a) Gồm hai nét: nét móc ngược trái, nét cong trên và cong phải nối liền nhau tạo vòng xoắn nhỏ ở giữa thân chữ.
- b) Gồm hai nét: nét một là móc ngược trái, nét hai là nét cong tròn có hai đầu uốn lượn vào trong không đều nhau.
- c) Gồm một nét viết liền là kết hợp của ba nét cơ bản: hai nét cong trái và một nét lượn ngang.
- d) Viết liền một nét là kết hợp của hai nét cơ bản: cong dưới và cong trái nối liền nhau tạo vòng to ở đầu chữ.

Đọc kĩ bài tập đọc sau và trả lời các câu hỏi 13, 14, 15, 16, 17:

Thư Trung thu

(Trích)

Mỗi năm, đến Tết Trung thu, Bác càng nhớ các cháu.

Các cháu gửi thư cho Bác nhiều lắm, Bác rất vui. Nhưng vì Bác bận quá, không trả lời riêng cho từng cháu được. Nhân dịp Tết Trung thu, Bác gửi các cháu thư này:

Ai yêu các nhi đồng

Bằng Bác Hồ Chí Minh?

Tính các cháu ngoan ngoan,

Mặt các cháu xinh xinh.

Mong các cháu cố gắng
 Thi đua học và hành.
 Tuổi nhỏ làm việc nhỏ
 Tùy theo sức của mình,
 Để tham gia kháng chiến,
 Để gìn giữ hòa bình.
 Các cháu hãy xứng đáng
 Cháu Bác Hồ Chí Minh.

Hôn các cháu
 HỒ CHÍ MINH

13. Mỗi Tết Trung thu, Bác Hồ nhớ tới ai?

- a) Bác nhớ tới các cháu học sinh Việt Nam.
- b) Bác nhớ tới các cháu nhi đồng.
- c) Bác nhớ tới các cháu thiếu niên.
- d) Bác nhớ tới các cháu thanh niên.

14. Ai yêu nhi đồng / Bằng Bác Hồ Chí Minh? là một câu hỏi, câu hỏi đó nói lên điều gì?

- a) Bác Hồ rất yêu các cháu nhi đồng.
- b) Các cháu nhi đồng rất yêu Bác Hồ.
- c) Không ai yêu nhi đồng bằng Bác Hồ Chí Minh.
- d) Cả a, b, c đều đúng.

15. Kết thúc lá thư, Bác viết lời chào các cháu như thế nào?

- a) Chúc các cháu ngoan ngoãn, học giỏi.
- b) Các cháu hãy xứng đáng cháu Bác Hồ Chí Minh.
- c) Các cháu hãy làm những việc nhỏ tùy theo sức của mình.
- d) Hôn các cháu.

16. Bài thơ trong lá thư có mấy từ xưng hô?

- a) Một.
- b) Hai.
- c) Ba.
- d) Bốn.

17. Những chữ nào trong bài thơ có trong lá thư phải viết hoa?

- a) Chữ đầu bài
- b) Chữ đầu dòng thơ
- c) Tên riêng
- d) Chữ cái đầu bài, đầu dòng thơ và tên riêng.

18. Dòng nào dưới đây nêu đúng lời đáp của các bạn học sinh trong tranh 2 (SGK Tiếng Việt lớp 2, tập 2, trang 12)?

- a) Chúng em chào chị ạ.
- b) Chúng em là học sinh lớp 2C, chúng em mời chị vào lớp.
- c) Chúng em chào chị ạ, chúng em rất muốn chị là người phụ trách Sao của chúng em.
- d) Chúng em chào chị, chúng em là học sinh lớp 2C đây.

19. Có một người lạ đến nhà, gõ cửa và tự giới thiệu: "Chú là bạn bố cháu. Chú đến thăm bố mẹ cháu." Em sẽ nói thế nào nếu bố mẹ đi vắng?

- a) Chú hỏi gì bố mẹ cháu thế? Bố mẹ cháu không có nhà.
- b) Cháu chào chú. Tiếc quá, bố mẹ cháu vừa đi. Lát nữa mời chú quay lại có được không ạ?
- c) Bố mẹ cháu lên thăm ông bà nội cháu. Chú có nhắn gì lại không ạ?
- d) Cả b và c đều đúng.

TUẦN 20

Đọc thầm bài tập đọc sau:

Ông Mạnh thắng Thần Gió

1. Ngày xưa, loài người chưa biết làm nhà, phải ở hang núi. Về sau, nhiều người về đồng bằng và ven biển sinh sống. Đây là nơi Thần Gió hoành hành.

2. Một hôm, Thần Gió gặp một người tên là Mạnh. Thần xô ông Mạnh ngã lăn quay. Ông lồm cồm bò dậy, nổi giận, quát:

- Thật độc ác!

Thần Gió bay đi với tiếng cười ngạo nghễ.

3. Từ đó, ông Mạnh quyết chống trả. Ông vào rừng lấy gỗ dựng nhà. Cả ba lần, nhà đều bị quật đổ. Cuối cùng, ông quyết định dựng một ngôi nhà thật vững chãi. Ông dẫn những cây gỗ lớn nhất làm cột, chọn những viên đá thật to làm tường.

4. Ngôi nhà đã làm xong. Đêm ấy, Thần Gió lại đến đập cửa, hét:

- Mở cửa ra!

- Không! Sáng mai ta sẽ mở cửa mời ông vào.

Sáng hôm sau, mặt trời lên, ông Mạnh mở cửa, thấy cây cối xung quanh đổ rạp. Rõ ràng đêm qua Thần Gió đã giận dữ, lồng lộn mà không thể xô đổ ngôi nhà.

5. Mấy tháng sau, Thần Gió đến nhà ông Mạnh, vẻ ăn năn. Ông mạnh an ủi và mời Thần thỉnh thoảng tới chơi. Từ đó, Thần Gió thường đến thăm ông, đem cho ngôi nhà không khí mát lành từ biển cả và hương thơm ngào ngạt của các loài hoa.

Phỏng theo A-NHÔNG (Hoàng Anh dịch)

Dựa vào nội dung bài tập đọc trên, trả lời các câu hỏi 1, 2, 3, 4:

1. Thần Gió đã làm gì khiến ông Mạnh nổi giận?

- a) Thần xô ông ngã.
- b) Thần cười ngạo nghễ trên tấc ông.
- c) Thần xô ông ngã và cười ngạo nghễ trên tấc ông.
- d) Thần đập đổ cửa và làm gãy cây cối xung quanh.

2. Hình ảnh nào chứng tỏ Thần Gió phải bó tay?

- a) Thần xô ông Mạnh ngã lăn quay.
- b) Thần bay đi với tiếng cười ngạo nghễ.
- c) Cả ba lần nhà đều bị quật đổ.
- d) Cây cối xung quanh đổ rạp mà ngôi nhà vẫn đứng vững.

3. Ông Mạnh đã làm gì để Thần Gió trở thành bạn của mình?

- a) Ông đã an ủi Thần.
- b) Ông mời Thần đến nhà chơi.
- c) Ông an ủi Thần và mời Thần thỉnh thoảng đến nhà chơi.
- d) Ông làm cỗ mời Thần đến nhà ăn.

4. Hành động kết bạn với Thần Gió của ông Mạnh cho thấy ông là người thế nào?

- a) Ông là người nhân hậu, thông minh.
- b) Ông là người nhân hậu, biết tha thứ.
- c) Ông là người khôn ngoan, biết thân thiện với thiên nhiên.
- d) Cả a, b, c đều đúng.

5. Dòng nào dưới đây nêu đúng lời kể cho tranh 3 trong truyện.

Ông Mạnh thắng Thần Gió (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, trang 15)?

a) Ngôi nhà đã làm xong. Đêm đó, Thần Gió đến đập cửa, la hét đòi ông phải mở cửa ra. Ông cương quyết không mở và nói:

– Sáng mai ta sẽ mời ông vào.

Sáng hôm sau, ông ra mở cửa thấy cây cối xung quanh đổ rạp, ông hiểu là Thần Gió đã tức tối vì không thể xô đổ ngôi nhà của ông.

b) Ngày xưa, khi loài người chưa biết làm nhà, họ phải sống ở trong hang núi. Về sau nhiều người về đồng bằng sinh sống nhưng đây lại là nơi Thần Gió hoành hành. Một hôm, Thần Gió gặp một người tên Mạnh, Thần xô ông Mạnh ngã lăn quay rồi Thần bay đi với tiếng cười ngạo nghễ.

c) Từ đó ông Mạnh quyết chống trả. Ông vào rừng lấy gỗ dựng nhà, nhưng cả ba lần nhà đều bị đổ. Ông không nản chí. Ông quyết dựng một ngôi nhà to và vững chãi. Ông lấy những cây gỗ lớn về làm cột, chọn những viên đá thật to về làm tường.

d) Mấy tháng sau, Thần Gió đến nhà ông Mạnh về ăn năn. Ông Mạnh mời Thần Gió vào nhà an ủi và mời Thần Gió thỉnh thoảng tới chơi. Từ đó Thần Gió thường đến thăm ông và đem lại cho ngôi nhà không khí mát lành từ biển cả và hương thơm ngào ngạt của các loài hoa.

Đọc kĩ bài thơ sau và trả lời câu hỏi 6, 7:

Gió

Gió ở rất xa, rất rất xa

Gió thích chơi thân với mọi nhà

Gió cù khe khẽ anh mèo mướp

Rủ đàn ong mật đến thăm hoa.

Gió đưa những cánh diều bay bổng

Gió ru cái ngủ đến la đà

Hình như gió cũng thèm ăn quả

Hết trèo cây bưởi lại trèo ọa ...

NGÔ VĂN PHÚ

6. Bài thơ có mấy chữ bắt đầu bằng r ?

a) Hai chữ.

b) Ba chữ.

c) Bốn chữ.

d) Năm chữ.

7. Bài thơ có mấy chữ có dấu hỏi?

a) Có bốn chữ.

b) Có năm chữ.

c) Có sáu chữ.

d) Có bảy chữ.

8. Tìm từ có nghĩa như sau: *Giọt nước đọng trên lá buổi sớm.*

a) Giọt mưa

b) Giọt sương

c) Giọt mồ hôi

d) Cả a, b, c đều sai.

Đọc kĩ bài tập đọc sau và trả lời các câu hỏi 9, 10, 11:

Mùa xuân đến

Hoa mận vừa tàn thì mùa xuân đến. Bầu trời ngày thêm xanh. Nắng vàng ngày càng rực rỡ. Vườn cây lại đâm chồi, nảy lộc. Rồi vườn cây ra hoa. Hoa bưởi nồng nàn. Hoa nhãn ngọt. Hoa cau thoảng qua. Vườn cây lại đầy tiếng chim và bóng chim bay nhảy. Những thím chích chòe nhanh nhẩu. Những chú khướu lăm điệu. Những anh chào mào đom đóm. Những bác cu gáy trầm ngâm.

Chú chim sâu vui cùng vườn cây và các loài chim bạn. Nhưng trong trí thơ ngây của chú còn mãi sáng ngời hình ảnh một cánh hoa mận trắng, biết nở cuối đông để báo trước mùa xuân tới.

NGUYỄN KIÊN

9. Dấu hiệu nào báo mùa xuân đến?

- a) Hoa mận vừa tàn.
- b) Bầu trời thêm xanh.
- c) Nắng vàng rực rỡ.
- d) Vườn cây đâm chồi nảy lộc.

10. Dòng nào sau đây kể lại những thay đổi của bầu trời khi mùa xuân đến?

- a) Vườn cây đâm chồi nảy lộc ra hoa.
- b) Bầu trời càng thêm xanh.
- c) Vườn cây tràn ngập tiếng chim hót và bóng chim bay nhảy.
- d) Bầu trời càng thêm xanh, nắng vàng ngày càng rực rỡ.

11. Qua bài văn em biết những gì về mùa xuân?

- a) Mùa xuân là mùa rất đẹp.
- b) Khi mùa xuân đến, bầu trời và mọi vật tươi đẹp hẳn lên.
- c) Mùa xuân đẹp là nhờ bầu trời xanh, nắng vàng, các loài hoa và các loài chim.
- d) Cả a, b, c đều đúng.

12. Từ nào dưới đây chỉ thời tiết của mùa đông?

- a) Se se lạnh
- b) Nóng bức, oi nóng
- c) Mưa phùn gió bắc, giá lạnh
- d) Ấm áp.

13. Em chọn dấu nào để điền vào ô trống?

1. Ông Mạnh nổi giận quát:

– Thật độc ác ☐

2. Đêm ấy, Thần Gió lại đến đập cửa, hét:

– Mở cửa ra ☐

– Không ☐ Sáng mai ta sẽ mở cửa mời ông vào.

- a) Dấu chấm
- b) Dấu chấm than
- c) Dấu chấm hỏi
- d) Dấu phẩy

Đọc kĩ bài tập đọc sau và trả lời các câu hỏi 14, 15, 16:

Mùa nước nổi

Mùa này, người làng tôi gọi là mùa nước nổi, không gọi là mùa nước lũ, vì nước lên hiền hòa. Nước mỗi ngày một dâng lên. Mưa dầm dề, mưa suốt suốt ngày này qua ngày khác.

Rồi đến rằm tháng bảy. “Rằm tháng bảy nước nhảy lên bờ”. Dòng sông Cửu Long đã no đầy, lại tràn qua bờ. Nước trong ao hồ, trong đồng ruộng của mùa mưa hòa lẫn với nước dòng sông Cửu Long.

Đồng ruộng, vườn tược và cây cỏ như biết giữ lại hạt phù sa ở quanh mình, nước lại trong dần. Ngồi trong nhà, ta thấy cả đàn cá rờn rờn, từng đàn, từng đàn theo cá mẹ xuôi theo dòng nước, vào tận đồng sâu.

Theo NGUYỄN QUANG SÁNG

14. Em hiểu thế nào là mùa nước nổi?

- a) Mùa có bão lụt
- b) Mùa có nhiều nước
- c) Mùa có nước biển tràn vào
- d) Mùa nước sông dâng lên ngập đồng ruộng, vườn tược, nhà cửa.

15. Bài văn tả mùa nước nổi ở vùng nào?

- a) Vùng đồng bằng sông Cửu Long Nam Bộ.
- b) Vùng đồng bằng Bắc Bộ.
- c) Vùng đồng bằng Trung Bộ.
- d) Vùng Cao Nguyên.

16. Bài đọc giúp em hiểu được điều gì?

- a) Giúp em hiểu thế nào là mùa nước nổi.
- b) Giúp em hiểu về thời tiết miền Nam. Vào mùa mưa nước sông Cửu Long tràn ngập đồng ruộng, khi nước rút để lại phù sa màu mỡ.
- c) Giúp em hiểu nguy cơ của mùa nước nổi và tác hại của nó.
- d) Giúp em hiểu người dân Nam Bộ rất sợ mùa nước nổi.

Đọc kĩ bài văn sau và trả lời câu hỏi 17, 18:

Xuân về

Thế là mùa xuân mong ước đã đến! Đầu tiên, từ trong vườn, mùi hoa hồng, hoa huệ thơm nức. Trong không khí không còn ngửi thấy hơi nước lạnh lẽo mà đầy hương thơm và ánh sáng mặt trời. Cây hồng bì đã cởi bỏ hết những cái áo lá già đen thui. Các cành cây đều lấp lăm lấp lăm mầm xanh. Những cành xoan khẳng khiu đương trở lá, lại sắp bung tỏa ra những tán lá sang sáng, tím tím. Ngoài kia, rừng rậm rạp cũng sắp có nụ.

TÔ HOÀI

17. Những dấu hiệu nào báo mùa xuân đến?

- a) Trong vườn: thơm nức mùi hương của các loài hoa.
- b) Trong không khí: không còn ngửi thấy hơi nước lạnh lẽo thay vào đó là thứ không khí đầy hương thơm và ánh nắng mặt trời.
- c) Cây cối thay áo mới.
- d) Cả a, b, c đều đúng.

18. Tác giả quan sát mùa xuân bằng những giác quan nào?

- a) Nhìn, nghe
- b) Nhìn, ngửi
- c) Nhìn, nếm
- d) Nhìn, nghe, ngửi.

TUẦN 21

Đọc thầm bài tập đọc sau:

Chim sơn ca và bông cúc trắng

1. Bên bờ rào, giữa đám cỏ dại, có bông cúc trắng. Một chú sơn ca sà xuống, hót rằng:

- Cúc ơi! Cúc xinh xắn làm sao!

Cúc sung sướng khôn tả. Chim véo von mãi rồi mới bay về bầu trời xanh thẳm.

2. Nhưng sáng hôm sau, khi vừa xòe cánh đón bình minh, bông cúc đã nghe thấy tiếng sơn ca buồn thảm. Thì ra, sơn ca đã bị nhốt trong lồng.

- Bông cúc muốn cứu chim nhưng chẳng làm gì được.

3. Bỗng có hai cậu bé đi vào vườn, cắt cả đám cỏ lẫn bông cúc đem về bỏ vào lồng sơn ca. Con chim bị cầm tù, họng khô bông vì khát, rúc mỏ vật đám cỏ ẩm ướt. Cúc tỏa hương thơm ngào ngạt an ủi chim. Sơn ca dù khát, phải vật hết nắm cỏ, vẫn không đụng đến bông hoa.

Tối rồi, chẳng ai cho con chim khốn khổ một giọt nước. Đêm ấy, sơn ca lia đời. Bông cúc héo lả đi vì thương xót.

4. Sáng hôm sau, thấy sơn ca đã chết, hai cậu bé đặt con chim vào một chiếc hộp rất đẹp và chôn cất thật long trọng. Tội nghiệp con chim! Khi nó còn sống và ca hát, các cậu đã để mặc nó chết vì đói khát. Còn bông hoa, giá các cậu đừng ngắt nó thì hôm nay chắc nó vẫn đang tắm nắng mặt trời.

Dựa vào nội dung bài tập đọc trên, trả lời các câu hỏi 1, 2, 3:

1. Trước khi bị nhốt vào lồng, chim sơn ca sống như thế nào?

- a) Tự do bay nhảy.
- b) Hót véo von
- c) Sống trong một thế giới rất rộng lớn là cả bầu trời xanh thẳm.
- d) Cả a, b, c đều đúng.

2. Vì sao tiếng hót của chim trở nên buồn thảm?

- a) Vì chim bị nhốt trong lồng.
- b) Vì chim bị đói.
- c) Vì chim bị khát nước.
- d) Vì chim bị thương nặng.

3. Điều gì cho thấy các cậu bé rất vô tình đối với chim?

- a) Bắt chim hót suốt ngày.
- b) Không cho chim ăn uống để chim chết vì đói và khát.
- c) Buộc dây vào cổ chim chặt quá.
- d) Nhốt chim vào lồng bé quá, chim không đi lại được.

Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời câu hỏi 4, 5, 6:

Bên bờ rào, giữa đám cỏ dại, có bông cúc trắng. Một chú sơn ca sà xuống, hót rằng:

– Cúc ơi! Cúc xinh xắn làm sao!

Cúc sung sướng khôn tả. Chim hót véo von mãi rồi mới bay về bầu trời xanh thẳm.

4. Đoạn văn có những dấu câu nào?

- a) Dấu chấm, dấu phẩy.
- b) Dấu hai chấm, dấu gạch ngang.
- c) Dấu phẩy, dấu chấm, dấu hai chấm, dấu gạch ngang.
- d) Dấu phẩy, dấu chấm, dấu chấm phẩy, dấu hỏi.

5. Trong đoạn văn có mấy chữ bắt đầu bằng r ?

- a) Một.
- b) Hai.
- c) Ba.
- d) Bốn.

6. Có mấy chữ chứa *dấu ngã*?

- a) Một.
- b) Hai.
- c) Ba.
- d) Bốn.

7. Giải câu đố: *Có sắc – để uống hoặc tiêm*
Thay sắc bằng nặng – là em nhớ bài.

Là tiếng gì?

- a) Tiếng *thuốc*
- b) Tiếng *thuộc*
- c) Tiếng *thuốc, thuộc*
- d) Tiếng *buốt, buộc*.

Đọc kĩ bài tập đọc sau và trả lời các câu hỏi 8, 9, 10:

Thông báo của thư viện vườn chim

1. Giờ mở cửa:

- Buổi sáng: từ 7 giờ đến 10 giờ.
- Buổi chiều: từ 15 giờ đến 17 giờ.
- Các ngày nghỉ: mở cửa buổi sáng.

2. Cấp thẻ mượn sách:

Mời các bạn chưa có thẻ mượn sách đến làm thẻ vào sáng thứ năm hàng tuần.

3. Sách mới về:

- Khi đại bàng vỗ cánh
- Đà diều trên sa mạc, tập 1
- Khúc nhạc của rừng xanh
- Tập bay
- Tình bạn của Vạc và Bồ Nông
- Chuyện lạ về thế giới loài chim

Phụ trách thư viện

VÀNG ANH

8. Thông báo của thư viện có mấy mục?

- a) Hai mục.
- b) Ba mục.
- c) Bốn mục.
- d) Năm mục.

9. Muốn làm thẻ mượn sách, cần đến thư viện vào lúc nào?

- a) Sáng thứ hai hàng tuần.
- b) Sáng thứ ba hàng tuần.
- c) Sáng thứ năm hàng tuần.
- d) Sáng thứ sáu hàng tuần.

10. Mục *Sách mới* về giúp chúng ta biết điều gì?

- a) Có sách hay hãy đến đọc.
- b) Thư viện có nhiều sách.
- c) Học sinh nên thường xuyên đến thư viện.
- d) Có những sách mới về thư viện để mượn đọc.

11. Dòng nào dưới đây là tên các loài chim gọi tên theo tiếng kêu?

- a) Bói cá, chim sâu, gõ kiến.
- b) Vàng anh, cá mè, chim cánh cụt.
- c) Công, đà điểu, gà rừng.
- d) Tu hú, cuốc, quạ.

12. *Sách của em để trên giá sách.* Dòng nào dưới đây đã đặt câu hỏi có cụm từ *ở đâu?* cho câu trên ?

- a) Sách *ở đâu?*
- b) Sách của em *ở đâu?*
- c) Sách của em để *ở đâu?*
- d) Sách của em để trên *ở đâu?*

13. Dòng nào dưới đây nêu đúng cấu tạo của chữ hoa *R* ?

- a) Gồm hai nét: nét một là nét móc trái, nét hai là kết hợp của hai nét cơ bản: nét cong trên và nét móc ngược phải nối với nhau tạo vòng xoắn giữa thân chữ.
- b) Gồm hai nét: nét một là nét móc trái, nét hai là nét cong tròn có hai đầu uốn vào trong không đều nhau.
- c) Gồm hai nét: nét một là nét móc ngược trái, nét hai là nét cong trên và cong phải nối liền nhau tạo vòng xoắn nhỏ ở giữa thân chữ.
- d) Gồm hai nét là nét móc hai đầu và nét khuyết ngược.

Đọc kĩ bài tập đọc sau và trả lời các câu hỏi 14, 15 :

Về chim

Hay chạy lon xon

Là gà mới nở

Vừa đi vừa nháy

Là em sáo xinh

Hay nói linh tinh

Là con liều diều

Hay nghịch hay tếu

Là cậu chìa vôi

Hay chao đóp mỗi

Là chim chèo bẻo

Tính hay mách lẻo

Thím khách trước nhà

Hay nhặt lân la

Là bà chim sẻ

Có tình có nghĩa

Là mẹ chim sâu

Giục hè đến mau

Là cô tu tú

Nhấp nhem buồn ngủ

Là bác cú mèo...

VỀ DÂN GIAN

14. Trong bài có mấy loài chim được kể?

- | | |
|-----------------------|---------------------------|
| a) Có tám loài chim. | b) Có chín loài chim. |
| c) Có mười loài chim. | d) Có mười một loài chim. |

15. Tác giả đã dùng biện pháp nghệ thuật nào để tả đặc điểm các loài chim?

- | | |
|-------------|------------|
| a) Nhân hóa | b) Ẩn dụ |
| c) Hoán dụ | d) So sánh |

Đọc kĩ bài văn sau đây và trả lời câu hỏi 16, 17, 18:

Sân chim

Chim nhiều không tả xiết. Chim đậu và làm tổ thấp lắm, đứng dưới gốc cây có thể thò tay lên tổ nhặt trứng một cách dễ dàng. Tiếng chim kêu vang động bên tai, nói chuyện không nghe được nữa. Thuyền đã đi xa mà vẫn thấy chim đậu trắng xoá trên những cành cây sát sông.

ĐOÀN GIỎI

16. Đoạn văn gồm có mấy câu?

- | | |
|-------------|-------------|
| a) Ba câu. | b) Bốn câu. |
| c) Năm câu. | d) Sáu câu. |

17. Trong bài có mấy chữ có dấu hỏi?

- | | |
|------------|------------|
| a) Hai chữ | b) Ba chữ |
| c) Bốn chữ | d) Năm chữ |

18. Những chữ nào trong bài được viết hoa?

- | |
|--|
| a) Chữ cái đầu bài |
| b) Chữ cái đầu câu |
| c) Tên riêng |
| d) Chữ cái đầu bài và chữ cái đầu câu. |

Đọc kĩ bài văn sau và trả lời câu hỏi 19, 20:

Chim chích bông

Chích bông là một con chim bé xinh đẹp trong thế giới loài chim.

Hai chân chích bông xinh xinh bằng hai chiếc tăm. Thế mà hai cái chân tăm ấy rất nhanh nhẹn, được việc, nhảy cú liên liến. Hai chiếc cánh nhỏ xíu. Cánh nhỏ mà xoải nhanh vun vút. Cặp mỏ chích bông tí tẹo bằng hai mảnh vỏ trấu chấp lại. Thế mà quý lắm đấy. Cặp mỏ tí hon ấy gấp sâu trên lá nhanh thoăn thoắt. Nó khéo biết moi những con sâu độc ác nằm bí mật trong những thân cây mảnh dẻ, ốm yếu.

Chích bông xinh đẹp chẳng những là bạn của trẻ em mà còn là bạn của bà con nông dân.

TÔ HOÀI

19. Trong bài văn có mấy câu tả hình dáng của chích bông?

- | | |
|------------|------------|
| a) Ba câu | b) Bốn câu |
| c) Năm câu | d) Sáu câu |

20. Có mấy câu tả hoạt động của chích bông?

- | | |
|-------------|-------------|
| a) Một câu. | b) Hai câu. |
| c) Ba câu. | d) Bốn câu. |

TUẦN 22

Đọc thầm bài tập đọc sau:

Một trí khôn hơn trăm trí khôn

1. Gà Rừng và Chồn là đôi bạn thân nhưng Chồn vẫn ngăm coi thường bạn. Một hôm, Chồn hỏi Gà Rừng:

- Cậu có bao nhiêu trí khôn?
- Mình chỉ có một thôi.
- Ít thế sao? Mình thì có hàng trăm.

2. Một buổi sáng, đôi bạn dạo chơi trên cánh đồng. Chợt thấy một người thợ săn, chúng cuống quýt nấp vào một cái hang. Nhưng người thợ săn đã thấy dấu chân của chúng. Ông reo lên: "Có mà trốn đằng trời!" Nói rồi, ông lấy gậy thọc vào hang.

Gà Rừng thấy nguy quá, bảo Chồn:

- Cậu có trăm trí khôn, nghĩ kế gì đi!

Chồn buồn bã:

- Lúc này, trong đầu mình chẳng còn một trí khôn nào cả.

3. Đắn đo một lúc, Gà Rừng nghĩ ra một mẹo, ghé tai Chồn:

- Mình sẽ làm như thế, còn cậu cứ thế nhé!

Mọi chuyện xảy ra đúng như Gà Rừng đoán. Người thợ săn lòi Gà Rừng ra, thấy cứng đờ, tưởng Gà Rừng đã chết. Ông ta quăng nó xuống đám cỏ, rồi thọc gậy vào hang bắt Chồn. Thành công, Gà Rừng vùng chạy. Người thợ săn đuổi theo. Chỉ chờ thế, Chồn vọt ra, chạy biến vào rừng.

4. Hôm sau, đôi bạn gặp lại nhau. Chồn bảo Gà Rừng:

- Một trí khôn của cậu còn hơn cả trăm trí khôn của mình.

Theo TRUYỆN ĐỌC 1 - 1994

Dựa vào nội dung bài tập đọc trên, trả lời các câu hỏi 1, 2, 3:

1. Bài văn có mấy nhân vật?

- a) Hai nhân vật.
- b) Ba nhân vật.
- c) Bốn nhân vật.
- d) Năm nhân vật.

2. Thái độ của Chồn như thế nào đối với Gà Rừng?

- a) Coi thường bạn.
- b) Tôn trọng bạn.
- c) Kính phục bạn.
- d) Rất sợ bạn.

3. Khi gặp nạn, thái độ của Chồn như thế nào?

- a) Dũng cảm
- b) Thông minh
- c) Gan dạ
- d) Sợ hãi

4. Gà Rừng nghĩ ra mẹo gì để cả hai thoát nạn?

- a) Giả vờ chết
- b) Liều lĩnh xông ra
- c) Đánh lạc hướng
- d) Cả a, b, c đều đúng.

5. Từ nào dưới đây có từ có nghĩa như sau: **Kêu lên vì vui mừng.**

- a) La
- b) Hét
- c) Reo
- d) Kêu

6. Dùng dấu nào để điền vào những chỗ in đậm trong đoạn thơ sau đây?

Vang từ vườn xa
Chim cành **tho the**
Ríu rít đầy nhà
Tiếng bầy se **se**
Em đứng **ngân** ngo
Nghe bầy chim hót
Bầu trời cao vút
Trong lời chim ca.

THANH QUẾ

- a) Dấu phẩy
- b) Dấu hỏi
- c) Dấu ngã
- d) Dấu nặng

Đọc kĩ bài tập đọc sau và trả lời các câu hỏi 7, 8, 9:

Chim rừng Tây Nguyên

Những cơn gió nhẹ làm mặt nước hồ Y-rơ-pao rung động. Bầu trời trong xanh soi bóng xuống đáy hồ, mặt hồ càng xanh thêm và như rộng ra mênh mông.

Nơi đây cất lên những tiếng chim ríu rít. Chim đại bàng chân vàng mỏ đỏ đang chao lượn, bóng che rợp mặt đất. Mỗi lần đại bàng vỗ cánh lại phát ra những tiếng vi vu vi vút từ trên nền trời xanh thẳm, giống như có hàng trăm chiếc đàn cùng hòa âm. Bầy thiên nga trắng muốt đang bơi lội. Những con chim kơ púc mình đỏ chót và nhỏ như quả ớt cổ rướn cặp mỏ thanh mảnh của mình hót lên lanh lảnh nghe như tiếng sáo.

Họ nhà chim đủ các loại, đủ các màu sắc ríu rít bay đến đậu ở những bụi cây quanh hồ, tiếng hót rộn vang cả mặt nước.

Theo THIÊN LƯƠNG

7. Quanh hồ Y-rơ-pao có mấy loài chim?

- | | |
|----------------------|----------------------|
| a) Có hai loài chim. | b) Có ba loài chim. |
| c) Có bốn loài chim. | d) Có năm loài chim. |

8. Có mấy hình ảnh miêu tả hoạt động của chim đại bàng?

- | | |
|------------------|------------------|
| a) Một hình ảnh. | b) Hai hình ảnh. |
| c) Ba hình ảnh. | d) Bốn hình ảnh. |

9. Có mấy chi tiết tả hình dáng của chim kơ púc?

- | | |
|------------------|------------------------------|
| a) Hai chi tiết. | b) Ba chi tiết. |
| c) Bốn chi tiết. | d) Không có chi tiết nào cả. |

10. Dòng nào dưới đây viết đúng cấu tạo của chữ hoa S ?

- a) Gồm một nét liền, là kết hợp của ba nét cơ bản: hai nét cong trái và một nét lượn ngang.
- b) Viết liền một nét là kết hợp của hai nét cơ bản: cong dưới và cong trái nối liền nhau tạo vòng to ở đầu chữ.
- c) Gồm một nét viết liền là kết hợp của hai nét cơ bản: cong dưới và móc ngược (trái) nối liền nhau, tạo vòng xoắn to ở đầu chữ, cuối nét móc lượn vào trong.
- d) Gồm hai nét: móc ngược trái, nét cong trên và cong phải nối liền nhau tạo vòng xoắn nhỏ ở giữa thân chữ.

Đọc kĩ bài tập đọc sau và trả lời các câu hỏi 11, 12:

Cò và Cuốc

Cò đang lội ruộng bắt tép. Cuốc thấy vậy từ trong bụi rậm lẩn ra, hỏi:

- Chị bắt tép vất vả thế, chẳng sợ bùn bắn bẩn hết áo trắng sao?

Cò vui vẻ trả lời:

- Khi làm việc, ngại gì bẩn hở chị?

Cuốc bảo:

- Em sống trong bụi cây dưới đất, nhìn lên trời xanh, thấy các anh chị trắng phau phau, đôi cánh dập dờn như múa, không nghĩ cũng có lúc chị phải khó nhọc thế này.

Cò trả lời:

- Phải có lúc vất vả lội bùn mới có khi được thành thoi bay lên trời cao. Còn áo bẩn muốn sạch thì khó gì!

Kiểm ăn xong, Cò tắm rửa, tắm áo lại trắng tinh, rồi cất cánh bay, đôi cánh dập dờn như múa.

Theo NGUYỄN ĐÌNH QUẢNG

11. Trong bài có mấy nhân vật?

- a) Một nhân vật. b) Hai nhân vật.
c) Ba nhân vật. d) Không có nhân vật nào cả.

12. Câu trả lời của Cò chứa một lời khuyên. Lời khuyên ấy là gì?

- a) Khi lao động không ngại vất vả, khó khăn.
b) Mọi người ai cũng phải lao động, lao động mới sung sướng, ấm no. Lao động là đáng quý.
c) Phải lao động vất vả mới có lúc thanh thoi, sung sướng.
d) Cả a, b, c đều đúng.

13. Em đáp lại lời xin lỗi trong trường hợp sau như thế nào? Một bạn nghịch, làm mực bắn vào áo em, xin lỗi em: "*Xin lỗi bạn. Minh lỡ tay thôi.*"

- a) Không sao b) Có sao đâu
c) Bạn chỉ vô ý thôi mà d) Cả a, b, c đều đúng.

14. Các câu dưới đây tả con chim gáy. Chọn thứ tự nào dưới đây để tạo thành một đoạn văn:

- a. Cổ chú điểm những đốm cườm trắng rất đẹp.
b. Một chú chim gáy sà xuống chân ruộng vừa gặt.
c. Thỉnh thoảng chú cất tiếng gáy "cúc cù... cu", làm cho cánh đồng quê thêm yên ả.
d. Chú nhún nha nhật thốc rơi bên từng gốc rạ.
- a) b – c – d – a b) b – a – c – d
c) b – a – d – c d) a – d – c – b.

TUẦN 23

Đọc thầm bài tập đọc sau:

Bác sĩ Sói

1. Thấy Ngựa đang ăn cỏ, Sói thèm rỏ dãi. Nó toan xông đến ăn thịt Ngựa, nhưng lại sợ Ngựa chạy mất. Nó bèn kiếm một cặp kính đeo lên mắt, một ống nghe cặp vào cổ, một áo choàng khoác lên người, một chiếc mũ thêu chữ thập đỏ chụp lên đầu. Xong nó khoan thai tiến về phía Ngựa.

2. Sói đến gần, Ngựa mới phát hiện ra. Biết là cuống lên thì chết, Ngựa bình tĩnh đợi xem Sói giở trò gì.

Sói đến gần Ngựa, giả giọng hiền lành, bảo:

- Bên xóm mời ta sang khám bệnh. Ta đi ngang qua đây, nếu cậu có bệnh, ta chữa giúp cho.

Ngựa lễ phép:

- Cảm ơn bác sĩ. Cháu đau chân quá. Ông làm ơn chữa giúp cho. Hết bao nhiêu tiền, cháu xin chịu.

Sói đáp:

- Chà! Chà! Chữa làm phúc, tiền với nong gì. Đau thế nào? Lại đây ta xem.

- Đau ở chân sau ấy ạ. Phiền ông xem giúp.

3. Sói mừng rơn, mon men lại phía sau, định lựa miếng đớp sâu vào đuôi Ngựa cho Ngựa hết đường chạy.

Ngựa nhón nhón chân sau, vờ rên rỉ. Thấy Sói đã cúi xuống đúng tầm, nó tung vó đá một cú trời giáng, làm Sói bật ngửa, bốn cẳng huơ giữa trời, kính vỡ tan, mũ văng ra...

Theo LA PHÔNG-TEN (Huỳnh Lý dịch)

Dựa vào nội dung bài tập đọc trên trả lời các câu hỏi 1, 2, 3:

1. Từ ngữ nào tả sự thèm thuồng của Sói khi thấy Ngựa?

- a) Toan xông đến ăn thịt.
- b) Thèm rỏ dãi.
- c) Khoan thai tiến về phía Ngựa.
- d) Sói mừng rỡ.

2. Sói làm gì để lừa Ngựa?

- a) Giả làm bác sĩ khám bệnh cho Ngựa.
- b) Giả làm người tốt bụng.
- c) Giả làm người qua đường.
- d) Giả làm người đau chân.

3. Ngựa đã bình tĩnh giả đau như thế nào?

- a) Giả vờ mình bị đau bụng, nhờ Sói xem giúp.
- b) Giả vờ mình bị đau đầu, nhờ Sói xem giúp.
- c) Giả vờ mình bị đau ở chân sau, nhờ Sói xem giúp.
- d) Giả vờ mình bị đau mắt, nhờ Sói xem giúp.

4. Dòng nào dưới đây nêu đúng nội dung lời kể của tranh 3 trong truyện *Bác sĩ Sói* (SGK Tiếng Việt lớp 2, tập 2, trang 42)?

- a) Trên bãi cỏ, một chú Ngựa đang ung dung gặm cỏ. Sói từ xa nhìn lại thèm rỏ dãi, nó toan xông đến ăn thịt nhưng lại sợ Ngựa chạy mất.
- b) Khi Sói đến gần, Ngựa mới phát hiện ra. Nó hiểu rằng, nếu cuống lên lúc này thì chết. Nó bình tĩnh xem Sói giả trò gì. Sói đến gần giả giọng hiền lành bảo:
 - Bên xóm mời ta sang khám bệnh, ta đi ngang qua đây, cậu có bệnh gì không, ta chữa cho.

Ngựa lễ phép nói:

- Cám ơn bác sĩ, cháu bị đau ở chân, bác làm ơn chữa cho cháu, hết bao nhiêu tiền cháu xin chịu.

Sói đáp:

- Chà! Chà! Chữa làm phúc, tiền với nong gì. Đau thế nào, lại đây ta xem.

Ngựa đáp:

- Cháu đau ở chân sau. Phiền bác xem giúp.

c) Sói bèn nghĩ ra cách: Nó kiếm một cặp kính đeo lên mắt, một ống nghe cặp vào cổ, một cái áo choàng khoác lên người, một chiếc mũ thêu chữ thập đỏ chụp lên đầu. Xong nó khoan thai tiến về phía Ngựa.

d) Sói lúc này trong lòng như mở cờ, nó mon men đi lại phía sau, định lựa miếng đớp sâu vào đuôi Ngựa cho Ngựa hết đường chạy. Ngựa thấy vậy giả vờ nhón chân sau vờ rên rỉ.

Thấy Sói đã cúi xuống đúng tầm, Ngựa tung vó đá một cú trời giáng làm Sói ngã bật ngửa, bốn cẳng huơ giữa trời, kính vỡ tan, mũ văng ra.

Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời câu hỏi 5, 6, 7:

Bác sĩ Sói

Muốn ăn thịt Ngựa, Sói giả làm bác sĩ, đến gần Ngựa bảo: "Có bệnh, ta chữa giúp cho." Ngựa biết mưu của Sói, vờ nhờ Sói khám giúp chân sau. Sói định cắn vào chân cho Ngựa hết chạy, nhưng Ngựa đã kịp thời tung vó, đá cho Sói một cú trời giáng.

5. Trong bài có mấy tên riêng?

- a) Một
- b) Hai
- c) Ba
- d) Bốn

6. Lời của Sói được đặt trong dấu gì?

- a) Dấu ngoặc kép.
- b) Dấu hai chấm
- c) Trong dấu ngoặc kép, sau dấu hai chấm.
- d) Dấu chấm than.

7. Đoạn văn có mấy câu?

- a) Hai.
- b) Ba.
- c) Bốn.
- d) Năm.

Đọc kĩ bài tập đọc sau và trả lời các câu hỏi 8, 9:

Nội quy Đảo Khỉ

Sau một lần đi chơi xa, Khỉ Nâu về quê nhà. Cảnh vật nhiều thay đổi. Thấy một tấm biển lớn ngay bến tàu, Khỉ Nâu bèn theo mấy khách du lịch đến xem.

NỘI QUY ĐẢO KHỈ

Đảo Khỉ là khu vực bảo tồn loài khỉ.

Khách đến tham quan Đảo Khỉ cần thực hiện những điều quy định dưới đây:

1. Mua vé tham quan trước khi lên đảo.
2. Không trêu chọc thú nuôi trong chuồng.
3. Không cho thú ăn các loại thức ăn lạ.
4. Giữ gìn vệ sinh chung trên đảo.

Ngày 15 tháng 1 năm 1990

BAN QUẢN LÝ ĐIỂM DU LỊCH ĐẢO KHỈ

Đọc xong, Khỉ Nâu cười khành khách tỏ vẻ khoái chí.

NGUYỄN TRUNG

8. Nội quy Đảo Khỉ có mấy điều?

- a) Hai.
- b) Ba.
- c) Bốn.
- d) Năm.

9. Vì sao đọc xong nội quy, Khỉ Nâu lại khoái chí?

- a) Vì loài khỉ được bảo vệ.
- b) Vì nơi khỉ sống là một hòn đảo sạch đẹp.
- c) Vì loài khỉ được bảo vệ và nơi khỉ sống là một hòn đảo sạch đẹp.
- d) Vì từ nay khỉ không phải lo sợ cái dới, cái rét nữa.

10. Dòng nào sau đây nêu đúng cấu tạo của chữ hoa C ?

- a) Được viết liền mạch từ hai nét cơ bản: nét lượn đứng và nét cong phải nối liền nhau tạo một nét thắt nhỏ ở chân chữ.
- b) Gồm hai nét: nét một là một đường cong kín, nét hai là nét lượn ngang giống như một dấu ngã lớn.
- c) Gồm hai nét: nét móc ngược trái, nét cong trên và cong phải nối liền nhau tạo vòng xoắn nhỏ ở giữa thân chữ.
- d) Gồm một nét viết liền là kết hợp của ba nét cơ bản: hai nét cong trái và một nét lượn ngang.

Đọc kĩ bài tập đọc sau và trả lời các câu hỏi 11, 12, 13:

Sư Tử xuất quân

Sư Tử bàn chuyện xuất quân

Muốn sao cho khắp thần dân trở tài

Nhỏ to, khỏe yếu muôn loài

Ai ai cũng được tùy tài lập công:

Voi vận tải trên lưng quân bị

Vào trận sao cho khỏe như voi.

Công đồn, Gấu phải kịp thời,

Cáo nhiều mưu kế tính bài quân cơ.

Mèo lừa địch, phải nhờ chú Khỉ...

Bổng có người nầy ý tâu Vua:
 “Người ta bảo ngọc như Lừa
 Nhát như Thỏ Để, xin chưa vội dùng.”
 “Không! – Vua phán – Trẫm dùng cả chứ!
 Loại họ ra, đội ngũ không yên
 Anh Lừa lo chuyện gạo tiền,
 Giấy tờ Thỏ chạy giao liên tài tình.”
 Đã rằng khiển tướng, điều binh
 Nhìn người giao việc cho tình mới tài.

Phỏng theo LA PHÔNG-TEN
 (Nguyễn Minh dịch)

11. Sư Tử muốn giao việc cho thần dân bằng cách nào?

- a) Giao cho mỗi người một việc hợp với khả năng.
- b) Giao cho những người có tài.
- c) Giao cho những người có đạo đức.
- d) Giao cho những người thông minh, dũng cảm.

12. Tại sao Sư Tử lại giao cho Khỉ làm nhiệm vụ lừa quân địch?

- a) Vì Khỉ dũng cảm.
- b) Vì Khỉ thông minh.
- c) Vì Khỉ tinh nhanh.
- d) Vì Khỉ là người có đạo đức.

13. Chọn một tên khác cho bài thơ theo gợi ý dưới đây:

- a) Ông vua khôn ngoan
- b) Nhìn người giao việc
- c) Ai cũng có ích
- d) Cả a, b, c đều đúng.

Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời câu hỏi 14, 15, 16:

Ngày hội đua voi ở Tây Nguyên

Hàng năm, cứ đến mùa xuân, đồng bào Ê-đê, Mơ-nông lại tung bừng mở hội đua voi. Hàng trăm con voi nục nịch kéo đến. Mặt trời chưa mọc, từ các buôn, bà con đã nuồm nợp đổ ra. Các chị mặc những chiếc váy thêu rực rỡ, cổ đeo vòng bạc ..

LÊ TẤN

14. Tại sao các từ Ê-đê, Mơ-nông, Tây Nguyên lại được viết hoa?

- a) Chỉ một vùng đất.
- b) Chỉ một địa điểm.
- c) Là tên riêng chỉ một vùng đất dân tộc.
- d) Chỉ một dân tộc.

15. Đồng bào Tây Nguyên mở hội đua voi vào mùa nào?

- a) Mùa xuân b) Mùa hạ c) Mùa thu d) Mùa đông

16. Câu nào dưới đây tả đàn voi vào hội?

- a) Hàng trăm con voi
- b) Bà con đã nuồm nợp đổ ra
- c) Nục nịch kéo đến
- d) Tung bừng mở hội đua voi.

17. Điền lời đáp thích hợp cho đoạn đối thoại dưới đây:

- Con Báo có trèo cây được không ạ?
- Được chứ! Nó trèo giỏi lắm.
- ...
- a) Thế cơ à?
- b) Nó giỏi quá mẹ nhỉ?
- c) Vào rừng mà gặp nó thì nguy, mẹ nhỉ?
- d) Cả a, b, c đều đúng.

TUẦN 24

Đọc thầm bài tập đọc sau:

Quả tim khỉ

1. Một ngày nắng đẹp, đang leo trèo trên hàng dừa ven sông, Khỉ bỗng nghe một tiếng quẫy mạnh dưới nước. Một con vật da sần sùi, dài thượt, nhe hàm răng nhọn hoắt như một lưỡi của sắc, trườn lên bãi cát.

Nó nhìn Khỉ bằng cặp mắt ti hí với hai hàng nước mắt chảy dài. Khỉ ngạc nhiên:

- Bạn là ai? Vì sao bạn khóc?
- Tôi là Cá Sấu. Tôi khóc vì chả ai chơi với tôi.

Khỉ nghe vậy, mời Cá Sấu kết bạn.

Từ đó, ngày nào Cá Sấu cũng đến, ăn những hoa quả mà Khỉ hái cho.

2. Một hôm, Cá Sấu mời Khỉ đến chơi nhà. Khỉ nhận lời, ngồi lên lưng Cá Sấu. Bơi đã xa bờ, Cá Sấu mới bảo:

- Vua của chúng tôi ốm nặng, phải ăn một quả tim khỉ mới khỏi. Tôi cần quả tim của bạn.

Khỉ nghe vậy hết sức hoảng sợ. Nhưng rồi trấn tĩnh lại, nó bảo:

- Chuyện quan trọng vậy mà bạn chẳng bảo trước. Quả tim tôi để ở nhà. Mau đưa tôi về, tôi sẽ lấy tim dâng lên vua của bạn:

3. Cá Sấu tưởng thật, liền đưa Khỉ trở lại bờ. Tới nơi, Khỉ đu vút lên cành cây, mắng:

- Con vật bội bạc kia! Đi đi! Chẳng ai thèm kết bạn với những kẻ giả dối như mi đâu.

4. Cá Sấu tên tò, lặn sâu xuống nước, lủi mất.

Theo TRUYỆN ĐỌC 1 - 1994

Dựa vào nội dung bài tập đọc trên, trả lời các câu hỏi 1, 2, 3, 4:

1. Khỉ đối xử với Cá Sấu như thế nào?

- a) Chăm sóc bạn.
- b) Hòa nhã với bạn.
- c) Kết nghĩa với bạn.
- d) Thương yêu, chiều chuộng bạn.

2. Cá Sấu định lừa Khỉ như thế nào?

- a) Vờ mời Khỉ đến nhà chơi.
- b) Vờ mời Khỉ đi chơi cùng mình.
- c) Vờ mời Khỉ đến gặp vua Cá Sấu.
- d) Vờ mời Khỉ đi thăm các bạn của mình.

3. Câu nói nào của Khỉ làm Cá Sấu tin Khỉ?

- a) Quả tim tôi để ở nhà.
- b) Mau đưa tôi về, tôi sẽ lấy tim dâng lên vua của bạn.
- c) Chuyện quan trọng như vậy mà bạn chẳng bảo trước.
- d) Cả a, b, c đều đúng.

4. Tại sao Cá Sấu lại tên tò, lủi mất?

- a) Vì Cá Sấu cảm thấy xấu hổ.
- b) Vì bị lộ bộ mặt bội bạc, giả dối.
- c) Vì thấy mình là kẻ không tốt.
- d) Vì thấy mình không xứng làm bạn của Khỉ.

5. Dòng nào dưới đây nêu đúng nội dung lời kể của tranh 2 truyện *Quả tim Khỉ* (SGK Tiếng Việt lớp 2, tập 2, trang 52)?

- a) Nghe Khỉ nói vậy, Cá Sấu tưởng thật liền đưa Khỉ trở lại bờ. Tới nơi Khỉ đu vút lên cành cây, mắng:
– Con vật bội bạc kia! Đi đi! Chẳng ai thèm kết bạn với những kẻ gian dối như mi đâu.

b) Cá Sấu tên tò, lặn sâu xuống nước, lủi mất.

c) Một hôm Cá Sấu mời Khỉ đến nhà chơi. Khỉ nhận lời, ngồi lên lưng Cá Sấu. Khi đã xa bờ, Cá Sấu mới nói với Khỉ:

– Vua của chúng tôi ốm nặng, phải ăn một quả tim Khỉ mới khỏi. Tôi cần quả tim của bạn.

Khỉ nghe vậy hết sức hoảng sợ, nhưng rồi nó trấn tĩnh lại và nói với Cá Sấu:

– Trời ơi! Chuyện quan trọng như vậy mà bạn chẳng báo trước. Quả tim tôi lại để ở nhà mất rồi. Thôi, hãy mau đưa tôi về nhà, tôi sẽ lấy tim dâng lên vua của bạn.

d) Vào một ngày nắng đẹp, đang leo trèo trên hàng dừa ven sông, Khỉ bỗng nghe thấy một tiếng quẫy mạnh dưới nước. Một con vật da sần sùi, dài thượt đang nhe hàm răng nhọn hoắt như một cái lưỡi của sắc trườn lên bãi cát. Nó nhìn Khỉ bằng cặp mắt ti hí với hai hàng nước mắt chảy dài. Thấy vậy Khỉ bèn hỏi:

– Bạn là ai? Vì sao bạn lại khóc?

– Tôi là Cá Sấu. Tôi khóc vì chả ai chơi với tôi.

Nghe Cá Sấu nói vậy, Khỉ bèn mời Cá Sấu kết bạn. Từ đó ngày nào Cá Sấu cũng đến chơi với Khỉ và ăn những hoa quả mà Khỉ hái được.

Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời câu hỏi 6, 7:

– *Bạn là ai? Vì sao bạn khóc?*

– *Tôi là Cá Sấu. Tôi khóc vì chả ai chơi với tôi*

Khỉ nghe vậy, mời Cá Sấu kết bạn.

Từ đó, ngày nào Cá Sấu cũng đến, ăn những hoa quả mà Khỉ hái cho.

6. Những chữ nào trong bài phải viết hoa?

a) Tên riêng.

b) Chữ cái đầu câu.

c) Tên riêng và chữ cái đầu câu.

d) Tất cả các chữ cái đều viết hoa.

7. Lời nói của Khỉ và Cá Sấu đặt sau dấu gì?

a) Dấu chấm.

b) Dấu chấm phẩy

c) Dấu gạch ngang

d) Dấu hai chấm, dấu gạch đầu dòng.

Đọc kĩ bài tập đọc sau và trả lời các câu hỏi 8, 9, 10:

Gấu trắng là chúa tò mò

Ở Bắc Cực, hầu hết các con vật đều có bộ lông trắng: chim ưng trắng, cú trắng, thỏ trắng, đến gấu cũng trắng nốt. Gấu trắng là con vật to khỏe nhất. Nó cao gần 3 mét và nặng tới 800 ki-lô-gam.

Đặc biệt, gấu trắng rất tò mò.

Có lần, một thủy thủ rời tàu đi dạo. Trên đường trở về, thấy một con gấu trắng đang xông tới, anh khiếp đảm bỏ chạy. Gấu đuổi theo. Sực nhớ là con vật này có tính tò mò, anh ném lại cái mũ.

Thấy mũ, gấu dừng lại, đánh hơi, lấy chân lật qua lật lại chiếc mũ. Xong, nó lại đuổi. Anh thủy thủ vút hết gang tay, khăn, áo choàng... Mỗi lần như vậy, gấu đều dừng lại, tò mò xem xét. Nhưng vì nó chạy rất nhanh nên suýt nữa thì tóm được anh. May mà anh đã kịp nhảy lên tàu, vừa sợ vừa rét run cầm cập.

Theo LÊ QUANG LONG,
NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

8. Tính nết của gấu trắng có gì đặc biệt?

- a) Thích đánh hơi.
- b) Thích tò mò.
- c) Thích đùa nghịch.
- d) Thích làm trò.

9. Người thủy thủ đã làm cách nào để khỏi bị gấu vồ?

- a) Chạy thật nhanh.
- b) La toáng lên nhờ người giúp.
- c) Lấy súng bắn gấu trắng.
- d) Lợi dụng tính tò mò của gấu, vừa chạy vừa vút dẫn các vật có trên người.

10. Hành động của người thủy thủ cho thấy anh là người thế nào?

- a) Anh là người nhanh nhẹn.
- b) Anh là người thông minh, xử trí nhanh.
- c) Anh là người khôn khéo.
- d) Anh là người dũng cảm.

11. Con vật nào mang đặc điểm tinh ranh?

- a) Hổ
- b) Nai
- c) Cáo
- d) Gấu

12. Chọn tên con vật thích hợp cho chỗ trống dưới đây:

Nhanh như

- a) Thỏ
- b) Sóc
- c) Voi
- d) Hổ

13. Dòng nào dưới đây nêu đúng cấu tạo của chữ hoa U ?

- a) Gồm hai nét là nét móc hai đầu (trái, phải) và nét móc ngược phải.
- b) Gồm hai nét là nét móc ngược trái, nét cong trên và cong phải nối liền nhau tạo vòng xoắn nhỏ ở giữa thân chữ.

- c) Viết liền một nét là sự kết hợp của hai nét cơ bản: cong dưới và cong trái nối liền nhau tạo vòng to ở đầu chữ.
- d) Gồm một nét viết liền là kết hợp của ba nét cơ bản: hai nét cong trái và một nét lượn ngang.

Đọc kĩ bài tập đọc sau và trả lời các câu hỏi 14, 15, 16:

Voi nhà

Gần tối, cơn mưa rừng ập xuống. Chiếc xe của chúng tôi bỗng khựng lại.

Tứ rú ga mấy lần nhưng xe không nhúc nhích. Hai bánh trước đã vục xuống vũng lầy. Chúng tôi đành ngồi thu lu trong xe, chịu rét qua đêm.

Gần sáng, trời tạnh. Tứ nhảy xuống nhìn, lắc đầu:

- Thế này thì hết cách rồi!

Bỗng Cấn kêu lên:

- Chạy đi! Voi rừng đấy!

Mọi người vội vã nép vào lùm cây ven đường.

Một con voi già lưng lững tiến về chiếc xe. Tứ chộp lấy khẩu súng.

Cấn vội ngăn lại:

- Không được bắn!

Con voi lúc lắc vòi ra hiệu điều gì đó, rồi đến trước mũi xe.

Tứ lo lắng:

- Nó đập tan xe mất. Phải bắn thôi !

Nhưng kìa, con voi quặp chặt vòi vào đầu xe và co mình lôi mạnh chiếc xe qua vũng lầy. Lôi xong, nó huơ vòi về phía lùm cây rồi lững thững đi theo hướng bản Tun.

Thật may cho chúng tôi đã gặp được voi nhà.

Theo NGUYỄN TRẦN BÉ

14. Vì sao những người trong xe phải ngủ đêm trong rừng?

- a) Vì xe bị sa xuống vũng lầy không đi được.
- b) Vì trong rừng có nhiều thú dữ.
- c) Vì trong rừng trời tối quá
- d) Vì mọi người đã mệt.

15. Mọi người lo lắng như thế nào khi thấy con voi đến gần xe?

- a) Sợ nó quật mọi người.
- b) Sợ nó đập tan xe.
- c) Sợ nó lấy mất thức ăn nước uống.
- d) Cả a, b, c đều đúng.

16. Tại sao mọi người nghĩ là đã gặp voi nhà?

- a) Vì voi nhà không dữ tợn, phá phách như voi rừng mà hiền lành, biết giúp người.
- b) Vì voi nhà thông minh: trước khi kéo xe, con voi biết lúc lắc vòi ra hiệu; sau khi kéo xe ra khỏi vũng lầy, nó biết huơ vòi về phía lùm cây có người nấp để báo hiệu.
- c) Vì con voi lững thững đi theo hướng bản Tun, nghĩa là đi về nơi có người ở, về với chủ của nó.
- d) Cả a, b, c đều đúng.

17. Chọn lời đáp thích hợp cho các đoạn đối thoại dưới đây:

- Cô làm ơn chỉ giúp cháu nhà bác Hạnh ở đâu ạ.
- Rất tiếc, cô không biết, vì cô không phải người ở đây.
- ...
- a) Dạ thế ạ? Cháu xin lỗi!
- b) Không sao ạ. Cháu chào cô!
- c) Dạ cháu sẽ hỏi thăm người khác vậy ạ.
- d) Cả a, b, c đều đúng.

Đọc kĩ mẫu chuyện sau và trả lời câu hỏi 18, 19, 20:

Vì sao?

Một cô bé lần đầu tiên về quê chơi. Gặp cái gì cô cũng lấy làm lạ. Thấy một con vật đang gặm cỏ, cô hỏi cậu anh họ:

– Sao con bò này không có sừng hả anh?

Cậu anh đáp:

– Bò không có sừng vì nhiều lí do lắm. Có con bị gãy sừng. Có con còn non chưa có sừng. Riêng con này không có sừng vì nó ... là con ngựa.

Theo TIẾNG CƯỜI TUỔI HỌC TRÒ

18. Lần đầu tiên về quê chơi, cô bé thấy thế nào?

- a) Cái gì cũng đẹp.
- b) Cái gì cũng lạ.
- c) Cái gì cũng to lớn.
- d) Cái gì cũng hay.

19. Cô bé hỏi anh họ điều gì?

- a) Sao con bò này không có sừng?
- b) Sao con ngựa lại ăn cỏ ở đây?
- c) Đây là con vật gì?
- d) Sao ở đây có nhiều con vật thế?

20. Thực ra con vật mà cô bé nhìn thấy là con gì?

- a) Con bò
- b) Con nai
- c) Con la
- d) Con ngựa.

TUẦN 25

Đọc thầm bài tập đọc sau:

Sơn Tinh, Thủy Tinh

1. Hùng Vương thứ mười tám có một người con gái đẹp tuyệt trần, tên là Mị Nương. Nhà vua muốn kén cho công chúa một người chồng tài giỏi.

Một hôm, có hai chàng trai đến cầu hôn công chúa. Một người là Sơn Tinh, chúa miền non cao, còn người kia là Thủy Tinh, vua cùng nước thấp.

2. Hùng Vương chưa biết chọn ai, bèn nói:

- Ngày mai, ai đem lễ vật đến trước thì được lấy Mị Nương. Hãy đem đủ một trăm ván cơm nếp, hai trăm nệp bánh chưng, voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao.

Hôm sau, Sơn Tinh mang lễ vật đến trước và được đón dâu về.

3. Thủy Tinh đến sau, không lấy được Mị Nương, dùng dùng sức giận, cho quân đuổi đánh Sơn Tinh. Thủy Tinh hô mưa, gọi gió, dâng nước lên cuốn cuộn. Nhà cửa, ruộng đồng chìm trong biển nước. Sơn Tinh hóa phép bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi chặn dòng nước lũ. Thủy Tinh dâng nước lên cao bao nhiêu, Sơn Tinh lại nâng đồi núi cao lên bấy nhiêu. Cuối cùng, Thủy Tinh đuối sức, đành phải rút lui.

Từ đó, năm nào Thủy Tinh cũng dâng nước đánh Sơn Tinh, gây lũ lụt khắp nơi nhưng lần nào Thủy Tinh cũng chịu thua.

Theo TRUYỆN CỔ VIỆT NAM

Dựa vào nội dung bài tập đọc trên, trả lời các câu hỏi 1, 2, 3, 4:

1. Những ai đến cầu hôn Mị Nương?

- a) Sơn Tinh
- b) Thủy Tinh
- c) Cả Sơn Tinh và Thủy Tinh
- d) Thần mặt trời.

2. Hùng Vương xử việc hai vị thần cùng cầu hôn như thế nào?

- a) Giao hẹn ai mang đủ lễ vật đến trước thì được lấy Mị Nương.
- b) Ai là người tài giỏi nhất sẽ được lấy Mị Nương.
- c) Ai là người giàu có nhất sẽ được lấy Mị Nương.
- d) Ai là người có chức quyền cao nhất sẽ được lấy Mị Nương.

3. Trong trận chiến này, ai là người thắng?

- a) Thủy Tinh
- b) Sơn Tinh
- c) Cả Thủy Tinh và Sơn Tinh
- d) Không có ai thắng.

4. Câu chuyện này nói lên điều gì?

- a) Ca ngợi Mị Nương là người rất xinh đẹp.
- b) Ca ngợi Sơn Tinh là người tài giỏi.
- c) Ca ngợi vua Hùng Vương là người thông minh.
- d) Ca ngợi nhân dân ta chống lụt rất kiên cường.

5. Dòng nào dưới đây nêu đúng lời kể của tranh 1 trong truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh* (SGK Tiếng Việt lớp 2, tập 2, trang 62)?

- a) Sáng hôm sau, Sơn Tinh mang lễ vật đến trước và được cưới Mị Nương làm vợ.

b) Hùng Vương thứ mười tám có một nàng công chúa xinh đẹp tên là Mị Nương. Vua có ý định kén cho công chúa một người chồng tài giỏi.

c) Thủy Tinh đến sau không lấy được Mị Nương bèn dùng dùng nổi giận cho quân đuổi đánh Sơn Tinh hùng cướp lại Mị Nương. Thủy Tinh hô mưa, gọi gió, dâng nước lên cuốn cuộn. Nhà cửa, ruộng đồng chìm trong biển nước. Sơn Tinh hóa phép bốc từng quả đồi, ngọn núi để chặn đứng dòng nước lũ. Thủy Tinh dâng nước cao bao nhiêu, Sơn Tinh lại nâng đồi núi cao bấy nhiêu. Cuối cùng Thủy Tinh đuối sức đành phải rút quân về. Từ đó để trả thù Sơn Tinh, năm nào Thủy Tinh cũng dâng nước đánh Sơn Tinh, gây lũ lụt khắp nơi, nhưng rồi cuộc lần nào Thủy Tinh cũng bị thua.

d) Một hôm, có hai chàng trai đến cầu hôn công chúa. Một người là Sơn Tinh, chúa miền núi cao, còn người kia là Thủy Tinh, vua vùng nước thẳm.

Thấy cả hai người đều tài giỏi, vua không biết chọn ai bèn ra một lời thách đố: "Ngày mai ai mang lễ vật đến trước thì được lấy Mị Nương. Hãy đem đủ một trăm ván cơm nếp, hai trăm nệp bánh chưng, voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao."

Đọc kĩ bài tập đọc sau và trả lời các câu hỏi 6, 7, 8:

Dự báo thời tiết

- Phía tây Bắc Bộ:

Ngày nắng. Gió tây cấp 2, cấp 3. Nhiệt độ từ 28 đến 34 độ.

- Phía đông Bắc Bộ:

Ngày nắng. Gió đông bắc cấp 2, cấp 3. Nhiệt độ từ 26 đến 31 độ.

- Các tỉnh từ Thanh Hóa đến Thừa Thiên – Huế:
Ngày nắng, có nơi có mưa rào rải rác. Gió đông bắc cấp 2, cấp 3. Nhiệt độ từ 25 đến 33 độ.
- Các tỉnh từ Đà Nẵng đến Bình Thuận:
Ngày nắng, nóng. Gió tây cấp 2, cấp 3. Nhiệt độ từ 20 đến 31 độ.
- Các tỉnh Tây Nguyên:
Ngày nắng. Gió tây cấp 2, cấp 3. Nhiệt độ từ 20 đến 31 độ.
- Các tỉnh Nam bộ:
Ngày nắng. Chiều tối có mưa rào rải rác. Gió tây nam cấp 3, cấp 4. Nhiệt độ từ 26 đến 33 độ.
- Khu vực Hà Nội:
Ngày nắng, đêm không mưa. Gió đông bắc cấp 2, cấp 3. Nhiệt độ từ 27 đến 32 độ.

Theo BẢN TIN CỦA ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM

Ngày 29 tháng 9 năm 2002

6. Có mấy vùng được dự báo thời tiết trong bản tin?

- | | |
|---------|---------|
| a) Bốn. | b) Năm. |
| c) Sáu. | d) Bảy. |

7. Theo em, dự báo thời tiết có lợi gì?

- a) Biết trước tình hình ở từng vùng để con người có thể chuẩn bị hoặc điều chỉnh mọi sinh hoạt trong cuộc sống cũng như trong việc làm của mình.
- b) Để mọi người được đi chơi thoải mái.
- c) Để mọi người mang theo mũ nón hoặc áo mưa khi thời tiết xấu.
- d) Để thuyền ra khơi đánh cá nếu thời tiết tốt.

8. Em thường nghe hoặc đọc bản tin dự báo thời tiết ở đâu?

- a) Nghe qua các buổi phát thanh.
- b) Xem trên ti vi.
- c) Đọc trên báo.
- d) Cả a, b, c đều đúng.

9. Từ nào dưới đây có nghĩa: *Nơi đất trũng chứa nước, tương đối rộng và sâu, ở trong đất liền.*

- a) Suối b) Hồ c) Sông d) Thác

10. Dòng nào bên dưới đã đặt đúng câu hỏi cho phần in nghiêng trong câu: Không được bơi ở đoạn sông này vì có nước xoáy.

- a) Tại sao không được bơi ở đoạn sông này?
- b) Vì sao không được bơi ở đoạn sông này?
- c) Thế tại sao không được bơi ở đoạn sông này?
- d) Như thế nào không được bơi ở đoạn sông này?

11. Dòng nào dưới đây nêu đúng cấu tạo của chữ hoa *Ư*?

- a) Gồm 3 nét: cong trái, lượn đứng và lượn ngang nối liền nhau tạo một vòng xoắn (nét thắt) to ở đầu chữ và vòng xoắn (nét thắt) nhỏ ở chân chữ.
- b) Gồm 3 nét: nét một móc ngược phải, nét hai thẳng đứng, nét ba xiên phải.
- c) Gồm ba nét: nét một là kết hợp của nét cong trái và nét lượn ngang, nét hai là nét lượn dọc, nét ba là nét móc xuôi phải.
- d) Gồm ba nét: nét một là kết hợp của hai nét cơ bản: cong trái và lượn ngang, nét hai là kết hợp của ba nét cơ bản: khuyết ngược, khuyết xuôi và móc phải, nét ba là nét thẳng đứng (nằm giữa đoạn nối của hai nét khuyết).

12. *Vượt suối băng rừng* có nghĩa là gì?

- a) Vượt qua mọi nguy hiểm, khó khăn.
- b) Vượt qua mọi thử thách nguy hiểm.
- c) Vượt qua mọi thử thách của cuộc sống.
- d) Vượt qua nhiều đoạn đường, không ngại khó khăn, gian khổ.

Đọc kĩ bài tập đọc sau và trả lời câu hỏi 13, 14, 15:

Bé nhìn biển

Nghỉ hè với bố

Bé ra biển chơi

Tưởng rằng biển nhỏ

Mà to bằng trời.

Như con sông lớn

Chỉ có một bờ

Bãi giăng với sóng

Chơi trò kéo co.

Phi phò như bể

Biển mệt thở rung

Còng gió gọng vó

Định khiêng sóng lưng.

Nghìn con sóng khỏe

Lon ta lon ton

Biển to lớn thế

Vẫn là trẻ con.

TRẦN MẠNH HẢO

13. Những câu thơ: *Tưởng rằng biển nhỏ
Mà to bằng trời
Như con sông lớn
Chỉ có một bờ.*

Nói lên ý gì?

- a) Biển rất to lớn. b) Biển có rất nhiều nước.
c) Biển không có bờ. d) Biển luôn luôn có sóng.

14. Hình ảnh nào sau đây cho thấy biển rất giống trẻ con?

- a) Bãi giăng với sóng / chơi trò kéo co.
b) Bé ra biển chơi / Tưởng rằng biển nhỏ.
c) Phì phò như bể / Biển mệt thở rung.
d) Như con sông lớn / Chỉ có một bờ.

15. Em có thích biển trong bài thơ này không? Chọn ý đúng nhất.

- a) Em rất thích biển vì biển rất to và rộng.
b) Vì biển đáng yêu, nghịch như trẻ con.
c) Vì trên mặt biển có nghìn con sóng khỏe chạy lon ton như trẻ con chạy đuổi nhau.
d) Cả a, b, c đều đúng.

16. Chọn đáp án có từ mang nghĩa: *Nơi em đến học hàng ngày.*

- a) Trường b) Lớp
c) Nhà cô giáo d) Cả a và b đều đúng.

17. Chọn lời đáp thích hợp điền vào chỗ (...) cho đoạn đối thoại sau:

- *Em cho anh chạy thử cái tàu thủy của em nhé?*
– *Vâng.*
– ...

- a) Em hay quá! b) Em tốt quá!
c) Em ngoan quá! d) Em giỏi quá!

TUẦN 26

Đọc thầm bài tập đọc sau:

Tôm Càng và Cá Con

1. Một hôm, Tôm Càng đang tập búng càng dưới đáy sông thì thấy một con vật lạ bơi đến. Con vật thân dẹt, trên đầu có hai mắt tròn xoe, khắp người phủ đầy một lớp vẩy bạc óng ánh.

Thấy Tôm Càng ngó mình trân trân, con vật nói:

- Chào bạn. Tôi là Cá Con.

- Chào Cá Con. Bạn cũng ở sông này sao?

- Chúng tôi cũng sống dưới nước như nhà tôm các bạn. Có loài cá ở sông ngòi, có loài ở hồ ao, có loài ở biển cả.

2. Thấy đuôi Cá Con lượn nhẹ nhàng. Tôm càng nắc nỏm khen. Cá con khoe:

- Đuôi tôi vừa là mái chèo, vừa là bánh lái đấy. Bạn xem này!

Nói rồi, Cá Con lao về phía trước, đuôi ngoắt sang trái. Vút cái, nó đã quẹo phải. Bơi một lát, Cá Con lại uốn đuôi sang phải. Thoắt cái, nó lại quẹo trái. Tôm càng thấy vậy phục lẫn.

3. Cá Con sắp vọt lên thì Tôm Càng thấy một con cá to mắt đỏ ngầu nhằm Cá Con lao tới. Tôm Càng vội búng càng, vọt tới, xô bạn vào một ngách đá nhỏ. Cú xô làm Cá Con bị va vào vách đá. Mất mỗi, con cá dữ tức tối bỏ đi.

4. Tôm Càng xuýt xoa hỏi bạn có đau không. Cá Con cười:

- Cảm ơn bạn. Toàn thân tôi phủ một lớp vẩy. Đó là bộ áo giáp bảo vệ nên tôi có va vào đá cũng không đau.

Cá Con biết tài búng càng của Tôm Càng, rất nể trọng bạn. Cả hai từ đấy kết bạn cùng nhau.

Theo TRƯỜNG MỸ ĐỨC, TÚ NGUYỆT
(Hoàng Lan dịch)

Dựa vào nội dung bài tập đọc trên, trả lời các câu hỏi 1, 2, 3, 4:

1. Khi đang tập dưới đáy sông, Tôm Càng gặp chuyện gì?

- a) Thấy một con vật lạ.
- b) Thấy một con vật rất đẹp.
- c) Thấy một con vật rất to lớn.
- d) Thấy một con vật rất hung dữ.

2. Cá Con làm quen với Tôm Càng bằng cách nào?

- a) Bằng lời tự giới thiệu.
- b) Bằng lời chào hỏi.
- c) Bằng lời chào hỏi và lời tự giới thiệu.
- d) Bằng những cử chỉ thân mật.

3. Vậy Cá Con có ích lợi gì?

- a) Vậy Cá Con làm cho Cá Con đẹp thêm.
- b) Vậy Cá Con làm mái chèo, bánh lái.
- c) Vậy Cá Con làm nước không thấm vào người Cá Con.
- d) Vậy Cá Con là bộ áo giáp bảo vệ cơ thể của Cá Con.

4. Em thấy Tôm Càng có gì đáng khen?

- a) Tôm Càng là người thông minh, nhanh nhẹn.
- b) Tôm Càng là người dũng cảm cứu bạn thoát chết.
- c) Tôm Càng là một người bạn đáng tin cậy.
- d) Cả a, b, c đều đúng.

5. Dòng nào dưới đây kể đúng nội dung tranh 3 trong truyện Tôm Càng và Cá Con (SGK Tiếng Việt lớp 2, tập 2, trang 70)?

- a) Dưới đáy một dòng sông, có một con Tôm Càng đang tập búng càng thì thấy một con vật lạ bơi đến. Con vật này thân đẹp, trên đầu có hai mắt tròn xoe, khắp người phủ một lớp vẩy bạc óng ánh. Thấy Tôm Càng nhìn mình, con vật nói:
 - Chào bạn, tôi là Cá Con.

- Chào Cá Con, tôi là Tôm Càng, bạn cũng ở sông này sao?
- Chúng tôi cũng sống ở dưới nước như nhà Tôm. Có loài cá ở sông ngòi, có loài ở ao hồ, có loài ở biển cả.

b) Trong lúc Cá Con đang uốn đuôi lượn phải, lượn trái thì Tôm Càng thấy một con cá to mắt đỏ ngầu nhằm Cá Con lao tới. Ngay tức khắc, Tôm Càng vội búng càng, vọt tới, xô Cá Con vào một ngách đá nhỏ. Cú xô làm Cá Con va vào vách đá. Mất mỗi, con cá dữ tức tối bỏ đi.

c) Thấy Cá Con bơi nhẹ nhàng, Tôm Càng khen. Cá Con khoe:

- Đuôi tôi vừa là mái chèo, vừa là bánh lái đấy. Bạn xem này: Nói rồi Cá Con lao về phía trước, đuôi ngoắt sang phải, sang trái nhẹ nhàng, uyển chuyển khiến Tôm Càng phục lẫn.

d) Tôm Càng xuýt xoa hỏi bạn có sao không? Cá Con cười nói:

- Cám ơn bạn, toàn thân tôi phủ một lớp vẩy. Đó là bộ áo giáp bảo vệ nên tôi có va vào đá cũng không đau. Cá Con biết tài búng càng của Tôm Càng rất nể trọng bạn. Từ đấy Tôm Càng và Cá Con trở thành đôi bạn thân thiết.

Đọc kĩ mẫu chuyện vui sau và trả lời câu hỏi 6, 7, 8:

Vì sao cá không biết nói?

Viết đang say sưa ngắm bể cá cảnh, bỗng hỏi Lân:

– Anh này, vì sao cá không biết nói nhỉ?

Lân đáp:

– Em hỏi thật ngớ ngẩn. Nếu miệng em ngậm đầy nước, em nói được không?

Theo TIẾNG CƯỜI TUỔI HỌC TRÒ

6. Bài văn có mấy câu?

- a) Ba câu.
- b) Bốn câu.
- c) Năm câu.
- d) Sáu câu.

7. Bài văn có mấy dấu câu?

- a) Ba dấu câu.
- b) Bốn dấu câu.
- c) Năm dấu câu.
- d) Sáu dấu câu.

8. Câu chuyện đáng buồn cười ở chỗ nào?

- a) Câu nói của Việt.
- b) Câu trả lời của Lân.
- c) Cả câu nói của Việt và câu trả lời của Lân.
- d) Không có chi tiết nào đáng buồn cười.

Đọc kĩ bài tập đọc sau và trả lời các câu hỏi 9, 10, 11, 12:

Sông Hương

Sông Hương là một bức tranh phong cảnh gồm nhiều đoạn mà mỗi đoạn đều có vẻ đẹp riêng của nó. Bao trùm lên cả bức tranh là một màu xanh có nhiều sắc độ đậm nhạt khác nhau: màu xanh thắm của da trời, màu xanh biếc của cây lá, màu xanh non của những bãi ngô, thảm cỏ in trên mặt nước.

Mỗi mùa hè tới, hoa phượng vĩ nở đỏ rực hai bên bờ. Hương Giang bỗng thay chiếc áo xanh hằng ngày thành dải lụa đào ửng hồng cả phố phường.

Những đêm trăng sáng, dòng sông là một đường trăng lung linh dát vàng.

Sông Hương là một đặc ân của thiên nhiên dành cho Huế, làm cho không khí thành phố trở nên trong lành, làm tan biến những tiếng ồn ào của chợ búa, tạo cho thành phố một vẻ êm dịu.

Theo ĐẤT NƯỚC NGÀN NĂM

9. Trong bài có mấy từ chỉ màu xanh khác nhau?

- a) Một màu xanh.
- b) Hai màu xanh.
- c) Ba màu xanh.
- d) Bốn màu xanh.

10. Những màu xanh ấy do cái gì tạo nên?

- a) Do da trời tạo nên.
- b) Do cây lá tạo nên.
- c) Do những bãi ngô, thảm cỏ in trên mặt nước tạo nên.
- d) Do da trời, cây lá, bãi ngô, thảm cỏ tạo nên.

11. Vào hè, sông Hương đổi màu như thế nào?

- a) Thay bằng chiếc áo xanh.
- b) Thành dải lụa đào ửng hồng cả phố phường.
- c) Dòng sông là một đường trăng lung linh dát vàng.
- d) Màu xanh non của bãi ngô, thảm cỏ in trên mặt nước.

12. Vì sao nói sông Hương là một đặc ân của thiên nhiên dành cho thành phố Huế?

- a) Vì sông Hương làm cho thành phố Huế thêm đẹp.
- b) Vì sông Hương làm cho không khí thành phố trở nên trong lành.
- c) Vì sông Hương làm tan biến những tiếng ồn ào của chợ búa tạo cho thành phố một vẻ đẹp êm dịu.
- d) Cả a, b, c đều đúng.

13. Dòng nào dưới đây là những loài cá nước mặn?

- a) Cá sấu, cá thu, cá chim, cá mè.
- b) Cá heo, cá nục, cá chuồn, cá trê.
- c) Cá thu, cá chim, cá chuồn, cá nục.
- d) Cá quả, cá chép, cá hồng, cá ngừ.

14. Dùng dấu câu nào thích hợp điền vào ☐ cho đoạn văn sau?

Trăng trên sông, trên đồng ☐ trên làng quê ☐ tôi đã thấy nhiều. Chỉ có trăng trên biển lúc mới mọc thì đây là lần đầu tiên tôi được thấy. Màu trăng như màu lòng đỏ trứng mỗi lúc một sáng hồng

lên. Càng lên cao, trắng càng nhỏ dần □ càng vàng dần □ càng nhẹ dần.

- a) Dấu chấm.
- b) Dấu phẩy
- c) Dấu chấm phẩy
- d) Dấu hai chấm

15. Dòng nào dưới đây nêu đúng cấu tạo của chữ hoa **ℳ** ?

- a) Được viết liền mạch từ hai nét cơ bản: nét lượn đứng và nét cong phải nối liền nhau tạo một nét thắt nhỏ ở chân chữ và nét ngang ngắn.
- b) Gồm một nét viết liền là kết hợp của ba nét cơ bản: hai nét cong trái và một nét lượn ngang.
- c) Viết liền một nét là kết hợp của hai nét cơ bản: cong dưới và cong trái nối liền nhau tạo vòng to ở đầu chữ
- d) Gồm một nét viết liền là kết hợp của ba nét cơ bản: hai nét móc hai đầu và một nét xiên.

Đọc kĩ mẫu chuyện vui sau và trả lời các câu hỏi 16, 17, 18:

Cá sấu sợ cá mập

Có một khu du lịch ven biển mới mở khá đông khách. Khách sạn nào cũng hết sạch cả phòng. Bỗng xuất hiện một tin đồn làm cho mọi người sợ hết hồn: hình như ở bãi tắm có cá sấu.

Một số khách đem ngay chuyện này ra hỏi chủ khách sạn:

- Ông chủ ơi! Chúng tôi nghe nói bãi tắm này có cá sấu. Có phải vậy không, ông?

Chủ khách sạn quả quyết:

- Không! Ở đây làm gì có cá sấu!
- Vì sao vậy?
- Vì những vùng biển sâu như thế này nhiều cá mập lắm. Mà cá sấu thì rất sợ cá mập.

Các vị khách nghe xong, khiếp đảm, mặt cắt không còn một giọt máu.

TRUYỆN VUI NƯỚC NGOÀI

16. Khách tắm biển lo lắng điều gì?

- a) Bãi tắm rất sâu.
- b) Bãi tắm nước đục và bẩn
- c) Bãi tắm có cá sấu.
- d) Bãi tắm có cá mập.

17. Ông chủ khách sạn nói thế nào?

- a) Không có cá sấu.
- b) Chỉ có cá mập.
- c) Vùng biển ở đây rất sâu.
- d) Vùng biển ở đây rất sâu, có nhiều cá mập. Mà cá sấu thì sợ cá mập.

18. Vì sao khi giải thích xong, khách lại sợ hơn?

- a) Vì cá mập là loài vật hung dữ.
- b) Vì cá mập là loài vật ăn thịt người.
- c) Vì cá mập hung dữ, đáng sợ hơn cả cá sấu.
- d) Cả a, b, c đều đúng.

19. Từ nào sau đây có nghĩa: **Món ăn bằng hoa quả rim đường.**

- a) Kẹo
- b) Mứt
- c) Bánh
- d) Mật

20. Chọn lời đáp thích hợp cho trường hợp sau:

Em quên chiếc áo mưa trong lớp, quay lại trường để lấy. Bác bảo vệ sắp đi nghỉ, thấy em xin vào, bác mở cửa nói: "Cháu vào đi!"

- a) Vâng, cháu vào đây.
- b) Được rồi, để cháu vào.
- c) Cám ơn bác, cháu sẽ ra ngay.
- d) Cháu sẽ ra ngay thôi.

TUẦN 27

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

Tìm bộ phận trong câu 1 và 2 dưới đây, trả lời câu hỏi *Khi nào?*

1. *Mùa hè, hoa phượng vĩ nở đỏ rực.*

- a) Mùa hè
- b) Hoa phượng vĩ
- c) Nở
- d) Đỏ rực

2. *Hoa phượng vĩ nở đỏ rực khi hè về.*

- a) Hoa phượng vĩ
- b) Nở đỏ rực
- c) Khi hè về
- d) Nở đỏ rực khi hè về.

Chọn lời đáp thích hợp cho các câu 3 và 4:

3. *Khi bạn cảm ơn em vì em đã làm một việc tốt cho bạn.*

- a) Không có chi
- b) Chuyện nhỏ ấy mà
- c) Giúp được bạn là mình vui rồi
- d) Cả a, b, c đều đúng.

4. *Khi bác hàng xóm cảm ơn em vì em đã trông giúp em bé cho bác một lúc.*

- a) Chuyện nhỏ ấy mà.
- b) Không có chi
- c) Thưa bác, không có chi.
- d) Hàng xóm phải giúp đỡ nhau mà.

5. *Dòng nào dưới đây nêu đúng tên của các loài hoa, quả của mùa hè?*

- a) hoa mai, hoa đào, vú sữa, quýt
- b) hoa cúc, bưởi, cam, na (mãng cầu)
- c) hoa mận, hoa mơ, dưa hấu
- d) hoa phượng, măng cụt, xoài, vải.

6. *Đoạn văn sau gồm mấy câu?*

Trời đã vào thu những đám mây bớt đổi màu trời bớt nặng gió hanh heo đã rải khắp cánh đồng trời xanh và cao dần lên.

NGÔ VĂN PHÚ

- a) Ba câu.
- b) Bốn câu.
- c) Năm câu.
- d) Sáu câu.

Tìm bộ phận trong các câu 7 và 8 trả lời cho câu hỏi *Ở đâu?*

7. *Hai bên bờ sông, hoa phượng vĩ nở đỏ rực.*

- a) Hai bên bờ sông
- b) Hoa phượng vĩ
- c) Nở đỏ rực
- d) Hoa phượng vĩ nở đỏ rực.

8. *Chim đậu trắng xóa trên những cành cây.*

- a) Chim đậu
- b) Chim đậu trắng xóa
- c) Trên những cành cây
- d) Trắng xóa trên những cành cây.

9. *Đặt câu hỏi cho bộ phận câu được in đậm trong câu sau:*

Hoa phượng vĩ nở đỏ rực hai bên bờ sông

- a) Hoa phượng vĩ nở đỏ rực ở đâu?
- b) Ở đâu hoa phượng vĩ nở đỏ rực?
- c) Hai bên bờ sông hoa phượng vĩ nở như thế nào?
- d) Cả a và b đều đúng.

Chọn lời đáp thích hợp cho các trường hợp nêu ở câu 10 và 11:

10. *Khi bác hàng xóm xin lỗi vì đã làm phiền gia đình em.*

- a) Dạ, không có chi.
- b) Dạ, không sao đâu bác ạ.
- c) Không sao đâu ạ. Lần sau có gì bác cứ gọi ạ.
- d) Cả a, b, c đều đúng.

11. *Cô giáo (thầy giáo) cho biết lớp em không đoạt giải Nhất trong tháng thi đua này.*

- a) Không sao cả.
- b) Tháng sau mình sẽ cố gắng.
- c) Tiếc quá! Tháng sau nhất định chúng em sẽ cố gắng.
- d) Cô yên tâm, tháng sau lớp mình sẽ đạt giải cao.

Đọc kĩ bài văn sau và trả lời câu hỏi 12, 13, 14, 15, 16:

Cá rô lội nước

Những bác rô già, rô cụ lực lưỡng, đầu đuôi đen sì lẫn với màu bùn. Những cậu rô đực cường tráng mình dài mồm thếch. Suốt mùa đông ẩn náu trong bùn ao, bây giờ chúng chui ra, khoan khoái đớp bóng nước mưa mới ầm ập, rồi dựng vây lưng ra như ta trương cò, rạch ngược qua mặt bùn khô, nhanh như cóc nhảy. Hàng đàn cá rô nô nức lội ngược trong mưa, nghe rào rào như đàn chim vỗ cánh trên mặt nước.

TÔ HOÀI

12. Cá rô có màu như thế nào?

- a) Giống màu đất.
- b) Giống màu bùn.
- c) Giống màu nước.
- d) Giống màu cây lúa.

13. Mùa đông cá rô ẩn náu ở đâu?

- a) Ở các sông.
- b) Trong đất.
- c) Trong bùn ao.
- d) Trong gốc lúa.

14. Đàn cá rô lội nước mưa tạo ra tiếng động như thế nào?

- a) Như cóc nhảy
- b) Rào rào như đàn chim vỗ cánh
- c) Nô nức lội ngược trong mưa.
- d) Rạch ngược qua mặt bùn khô.

15. Trong câu *Cá rô nô nức lội ngược trong mưa*, từ ngữ nào trả lời cho câu hỏi *Con gì?*

- a) Cá rô
- b) Lội nước
- c) Nô nức
- d) Trong mưa

16. Bộ phận in đậm trong câu *Chúng khoan khoái đớp bóng nước mưa* trả lời cho câu hỏi nào?

- a) Vì sao?
- b) Thế nào?
- c) Khi nào?
- d) Ở đâu?

Đặt câu hỏi thích hợp cho bộ phận được in đậm ở câu 17 và 18:

17. *Bông cúc héo lả đi vì thương xót sơn ca.*

- a) Bông cúc **vì sao** héo lả đi?
- b) Bông cúc héo lả đi **vì sao?**
- c) **Vì sao** bông cúc héo lả đi?
- d) Cả b và c đều đúng.

18. *Vì mãi chơi, đến mùa đông, ve không có gì ăn.*

- a) **Vì sao** đến mùa đông, ve không có gì để ăn?
- b) Đến mùa đông, ve không có gì ăn **vì sao?**
- c) Đến mùa đông, **vì sao** ve không có gì ăn?
- d) Cả a, b, c đều đúng.

TUẦN 28

Đọc thầm bài tập đọc sau:

Kho báu

1. Ngày xưa, có hai vợ chồng người nông dân kia quanh năm hai sương, một nắng, cuốc bẫm cày sâu. Hai ông bà thường ra đồng từ lúc gà gáy sáng và trở về nhà khi đã lặn mặt trời. Đến vụ lúa, họ cấy lúa, gặt hái xong, lại trồng khoai, trồng cà. Họ không để cho đất nghỉ, mà cũng chẳng lúc nào ngơi tay. Nhờ làm lụng chuyên cần, họ đã gây dựng được một cơ ngơi đàng hoàng.

2. Nhưng rồi, hai ông bà mỗi ngày một già yếu. Hai con trai của họ đều ngại làm ruộng, chỉ mơ chuyện hão huyền. Ít lâu sau, bà lão qua đời. Rồi ông lão cũng lâm bệnh nặng. Biết mình khó lòng qua khỏi, ông dặn dò các con:

- Cha không sống mãi để lo cho các con được. Ruộng nhà có một kho báu, các con hãy tự đào lên mà dùng.

3. Theo lời cha, hai người con đào bới cả đám ruộng mà chẳng thấy kho báu đâu. Vụ mùa đến, họ đành trồng lúa. Nhờ làm đất kĩ, vụ ấy lúa bội thu. Hết mùa, hai người con lại ra công đào bới mà vẫn không tìm được gì. Mùa tiếp theo, họ lại đành trồng lúa và vụ ấy lúa cũng bội thu.

Liên tiếp mấy vụ liền được mùa, hai anh em có của ăn của để. Lúc ấy, họ mới hiểu lời dặn dò khi trước của người cha.

Theo NGỤ NGÔN E-DỐP

(Nguyệt Tú dịch)

Dựa vào nội dung bài tập đọc trên, trả lời các câu hỏi 1, 2, 3, 4:

1. Nhờ chăm chỉ làm lụng, hai vợ chồng người nông dân đã đạt được điều gì?

- a) Gây dựng được một cơ ngơi đàng hoàng.
- b) Trở thành một người giàu có nhất vùng.
- c) Trở thành một ông chủ giàu có
- d) Trở thành một người buôn bán giỏi giang.

2. Trước khi mất, người cha cho các con biết điều gì?

- a) Kho báu giấu ở trong nhà. Các con hãy tìm mà dùng.
- b) Kho báu giấu ở dưới ruộng. Các con đào lên mà dùng.
- c) Kho báu giấu dưới gốc cây. Các con đào lên mà dùng.
- d) Kho báu giấu ở dưới hồ. Các con vớt lên mà dùng.

3. Vì sao mấy vụ liền lúa bội thu?

- a) Vì đất ruộng vốn là đất tốt.
- b) Vì ruộng được hai anh em đào bới để tìm kho báu, đất được làm kĩ nên lúa tốt.
- c) Vì hai anh em giỏi trồng lúa.
- d) Vì hai anh em là những người cần cù, chịu khó.

4. Câu chuyện muốn khuyên chúng ta điều gì?

- a) Đừng ngồi mơ tưởng kho báu. Lao động chuyên cần mới là kho báu làm nên hạnh phúc, ấm no.
- b) Đất đai chính là kho báu vô tận. Chăm chỉ lao động trên ruộng đồng, con người sẽ có cuộc sống đầy đủ, ấm no.
- c) Ai yêu quý đất đai, ai chăm chỉ lao động trên ruộng đồng, người đó có cuộc sống ấm no, hạnh phúc.
- d) Cả a, b, c đều đúng.

5. Điền âm nào thích hợp vào những chỗ trống sau đây?

Ơn trời mưa ...*ang* phải thì
...*oi* thì bữa cạ, ...*oi* thì cày sâu
Công lênh chẳng quản bao lâu.
Ngày ...*ay* ...*uóc* bạc, ngày sau cơm vàng.

- a) l b) n c) h d) ng

Đọc kĩ bài tập đọc sau và trả lời các câu hỏi 6, 7:

Bạn có biết

1. Cây lâu năm nhất

Cây có tuổi thọ cao nhất là một cây thông ở Nhật Bản. Ước tính, nó đã sống trên 7000 năm. Còn ở nước ta, trong Vườn Quốc gia Cúc Phương, có cây chò khoảng 1000 tuổi.

2. Cây to nhất

Cây xê-côi-a 6000 tuổi ở Mĩ to đến mức người ta đặt được cả một tiệm giải khát trong gốc cây. Cây bao-báp 4000 tuổi ở châu Phi cũng to không kém: cả một lớp 40 học sinh nắm tay nhau mới ôm được hết thân của nó.

3. Cây cao nhất

Đó là cây xê-côi-a ở Mĩ, cao tới 150 mét.

4. Cây gỗ thấp nhất

Đó là một loại cây ở châu Phi chỉ có hai lá. Thân nó chỉ cao chừng 40 xăng-ti-mét, nhưng to đến mức phải 3, 4 học sinh nắm tay nhau mới bao hết vòng thân.

5. Cây đoàn kết nhất

Đó là cây thông. Những cây thông mọc thành cụm thường nối rễ với nhau, đôi nó cùng chia sẻ.

Theo LÊ QUANG LONG, NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

6. Nhờ bài viết trên, em biết được những điều gì mới?

- a) Những cây nào sống lâu năm nhất.
- b) Cây nào to nhất, cây nào thấp nhất, cây nào cao nhất, cây nào đoàn kết nhất.
- c) Các cây đó mọc ở vùng nào.
- d) Cả a, b, c đều đúng.

7. Vì sao bài viết được đặt tên là ***Bạn có biết?***

- a) Vì đó là những nơi nguy hiểm, khó khăn chưa có dấu chân người đến.
- b) Vì đó là những tin tức lạ gây ngạc nhiên, gợi trí tò mò của người đọc.
- c) Vì đó là những tin tức mọi người cần phải đọc ngay.
- d) Vì đó là những tin tức nóng bỏng mang tính thời sự.

8. Dòng nào dưới đây gồm những loài cây lấy gỗ?

- a) măng cụt, ổi, mận, su hào, rau cải
- b) phượng vĩ, bàng, xà cừ, thông, mít
- c) xoan, lim, gụ, sến, táu, chò, thông, mít
- d) bằng lăng, đa, si, xà cừ, tràm nguyên

9. Điền dấu nào vào ô trống trong đoạn văn sau cho thích hợp?

Chiều qua ☐ Lan nhận được thư bố ☐ trong thư, bố dặn dò hai chị em Lan rất nhiều điều ☐ nhưng Lan nhớ nhất lời bố dặn riêng em ở cuối thư: "Con nhớ chăm bón cây cam ở đầu vườn để khi bố về, bố con mình có cam ngọt ăn nhé!"

- a) Dấu chấm b) Dấu phẩy
- c) Dấu chấm phẩy d) Dấu hai chấm

10. Dòng nào dưới đây nêu đúng cấu tạo của chữ hoa **Ư** ?

- a) Gồm hai nét: nét một là nét móc ngược trái, nét hai là nét cong tròn có hai đầu uốn vào trong không đều nhau.
- b) Gồm hai nét là nét móc hai đầu và nét khuyết ngược.
- c) Gồm hai nét: nét một là kết hợp của hai nét cơ bản: cong trái và lượn ngang, nét hai móc ngược phải, phần cuối lượn vào trong.
- d) Gồm hai nét: nét một cong kín và dấu phụ (dấu mũ).

Đọc kĩ bài thơ sau và trả lời các câu hỏi 11, 12, 13:

Cây dừa

Cây dừa xanh tỏa nhiều tàu,
Dang tay đón gió, gật đầu gọi trăng.
Thân dừa bạc phếch tháng năm,
Quả dừa – đàn lợn con nằm trên cao.
Đêm hè hoa nở cùng sao,
Tàu dừa – chiếc lược chải vào mây xanh.
Ai mang nước ngọt, nước lành,
Ai đeo bao hũ rượu quanh cổ dừa.
Tiếng dừa làm dịu nắng trưa,
Gọi đàn gió đến cùng dừa múa reo.
Trời trong đầy tiếng rì rào,
Đàn cò đánh nhịp bay vào bay ra.
Đứng canh trời đất bao la
Mà dừa đứng đỉnh như là đứng chơi.

TRẦN ĐĂNG KHOA

11. Trong bài thơ nói đến mấy sự vật. Đó là những sự vật nào?

- a) Hai: Đó là:
- b) Ba: Đó là:

c) Bốn: Đó là:

d) Năm: Đó là:

12. Cây dừa gắn bó với mấy sự vật?

- a) Bốn. b) Năm. c) Sáu. d) Bảy.

13. Tác giả quan sát cây dừa bằng những giác quan nào?

- a) Mắt nhìn b) Tai nghe
- c) Tay sờ d) Cả a và b đều đúng.

14. Dòng nào dưới đây đã viết đúng chính tả?

- a) Bắc Sơn, đình cả, thái nguyên
- b) Tây Bắc, Việt Bắc, Bắc Kạn, Điện Biên
- c) Tuyên quang, Hà Giang, Lai Châu, Sơn La
- d) Hà Nội, Hải Phòng, Nam định, Thái Bình

Đọc kĩ bài văn sau và trả lời câu hỏi 15 và 16:

Quả măng cụt

Quả măng cụt tròn như quả cam, to bằng nắm tay trẻ con, toàn thân tím sẫm ngả sang đỏ. Cuống nó to và ngắn, quanh cuống có bốn, năm cái tai tròn úp vào quả.

Tách nửa vỏ trên, ruột măng cụt sẽ hiện ra trắng muốt như hoa bưởi. Có đến bốn, năm múi to không đều nhau, ăn vào ngọt trong miệng và tỏa hương thoang thoảng.

15. Tả về quả măng cụt, tác giả đã nói đến mấy bộ phận của quả măng cụt?

- a) Bốn. b) Năm. c) Sáu. d) Bảy.

16. Tác giả quan sát quả măng cụt bằng các giác quan nào?

- a) Mắt, tai b) Miệng, mũi
- c) Tay, mũi d) Mắt, tay, miệng, mũi

TUẦN 29

Đọc thầm bài tập đọc sau:

Những quả đào

1. Sau một chuyến đi xa, người ông mang về nhà bốn quả đào. Ông bảo vợ và các cháu :

- Quả to này xin phần bà. Ba quả nhỏ hơn phần các cháu.

Bữa cơm chiều hôm ấy, ông hỏi các cháu :

- Thế nào, các cháu thấy đào có ngon không ?

2. Cậu bé Xuân nói :

- Đào có vị rất ngon và mùi thật là thơm. Cháu đã đem hạt trồng vào một cái vò. Chẳng bao lâu, nó sẽ mọc thành một cây đào to đấy, ông nhỉ ?

- Mai sau cháu sẽ làm vườn giỏi. – Ông hài lòng nhận xét.

3. Cô bé Vân nói với vẻ tiếc rẻ :

- Đào ngon quá, cháu ăn hết mà vẫn thèm. Còn hạt thì cháu vứt đi rồi.

- Ôi, cháu của ông còn thơ dại quá !

4. Thấy Việt chỉ chăm chú nhìn vào tấm khăn trải bàn, ông ngạc nhiên hỏi :

- Còn Việt, sao cháu chẳng nói gì thế ?

- Cháu ấy ạ ? Cháu mang đào cho Sơn. Bạn ấy bị ốm. Nhưng bạn ấy không muốn nhận. Cháu đặt quả đào trên giường rồi trốn về.

- Cháu là người có tấm lòng nhân hậu ! – Ông lão thốt lên và xoa đầu đứa cháu nhỏ.

Phỏng theo LÉP TÔN-XTÔI

Dựa vào nội dung bài tập đọc trên, trả lời các câu hỏi 1, 2, 3, 4:

1. Trong truyện có mấy nhân vật?

a) Hai nhân vật.

b) Ba nhân vật.

c) Bốn nhân vật.

d) Năm nhân vật.

2. Ông dành những quả đào cho ai?

a) Cho vợ.

b) Cho cháu

c) Cho vợ và cho cháu

d) Cho người thân.

3. Bé Xuân đã làm gì với quả đào?

a) Đem hạt trồng vào một cái vò

b) Ăn hết quả đào và vứt hạt đi

c) Dành cho bạn Sơn bị ốm

d) Dành cho bà.

4. Ông nói gì về Việt?

a) Việt sẽ làm vườn giỏi

b) Việt có tấm lòng nhân hậu

c) Việt còn thơ dại quá

d) Việt biết thương bạn.

Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời câu hỏi 5 và 6:

Những quả đào

Một người ông có ba đứa cháu nhỏ. Một hôm, ông cho mỗi cháu một quả đào. Xuân ăn đào xong, đem hạt trồng. Vân ăn xong, vẫn còn thèm. Còn Việt thì không ăn mà mang đào cho cậu bạn bị ốm. Ông bảo: Xuân thích làm vườn, Vân bé dại, còn Việt là người nhân hậu.

5. Đoạn văn có những chữ nào viết hoa?

a) Tất cả các chữ cái

b) Chữ cái đầu bài và chữ cái đầu câu

c) Tên riêng

d) Chữ cái đầu bài, chữ cái đầu câu và tên riêng.

6. Lời nói của ông được đặt ở đâu?

- a) Sau dấu hai chấm b) Sau dấu chấm
c) Sau dấu phẩy d) Sau dấu chấm phẩy.

Đọc kĩ bài tập đọc sau và trả lời các câu hỏi 7, 8, 9, 10 :

Cây đa quê hương

Cây đa nghìn năm đã gắn liền với thời thơ ấu của chúng tôi. Đó là cả một tòa cổ kính hơn là một thân cây. Chín, mười đứa bé chúng tôi bắt tay nhau ôm không xuể. Cành cây lớn hơn cột đình. Ngọn chót vót giữa trời xanh. Rễ cây nổi lên mặt đất thành những hình thù quái lạ, như những con rắn hổ mang giận dữ. Trong vòm lá, gió chiều gầy lên những điệu nhạc li kì tưởng chừng như ai đang cười đang nói.

Chiều chiều, chúng tôi ra ngồi gốc đa hóng mát. Lúa vàng gợn sóng. Xa xa, giữa cánh đồng, đàn trâu ra về, lưng thưng từng bước nặng nề. Bóng sừng trâu dưới ánh chiều kéo dài, lan giữa ruộng đồng yên lặng.

Theo NGUYỄN KHẮC VIỆN

7. Tác giả tả mấy bộ phận của cây đa?

- a) Hai. b) Ba. c) Bốn. d) Năm.

8. Tác giả tả thân cây bằng hình ảnh nào?

- a) Là một tòa nhà cổ kính, chín mười đứa bé bắt tay nhau ôm không xuể.
b) Lớn hơn cột đình.
c) Chót vót giữa trời xanh.
d) Như những con rắn hổ mang giận dữ.

9. Có thể thay từ *rất to* bằng từ nào?

- a) Lớn b) Sừng sững
c) Đổ sộ d) Nguy nga.

10. Tác giả quan sát bài văn bằng các giác quan nào?

- a) Mắt, tai b) Mắt, mũi.
c) Tai, miệng d) Tay, tai.

11. Cây ăn quả có mấy bộ phận?

- a) Sáu. b) Bảy. c) Tám. d) Chín.

12. Dòng nào dưới đây gồm các từ tả cành cây ?

- a) dài, ngoằn ngoèo, uốn lượn, nham nháp
b) to, cao, bạc phếch, mềm mại, ram ráp
c) xanh nõn, mỡ màng, tươi tốt, um tùm
d) xum xuê, cong queo, trơ trụi, khẳng khiu, khô héo

Đọc kĩ bài tập đọc sau và trả lời các câu hỏi 13 và 14 :

Cậu bé và cây si già

Bờ ao đầu làng có một cây si già. Thân cây to, cành lá xum xuê, ngả xuống mặt nước. Một cậu bé đi ngang qua. Sẵn con dao nhọn trong tay, cậu hí hoáy khắc tên mình lên thân cây. Cây đau điếng, nhưng cố lấy giọng vui vẻ, hỏi cậu:

- Chào cậu bé. Tên cậu là gì nhỉ?

- Cháu tên là Ngoan.

- Cậu có cái tên mới đẹp làm sao!

Mặt cậu bé rạng lên. Cậu nói:

- Cảm ơn cây.

- Này, vì sao cậu không khắc tên lên người cậu? Như thế có phải tiện hơn không? – Cây hỏi.

Cậu bé rung mình, lắc đầu:

- Đau lắm, cháu chịu thôi!

- Vậy, vì sao cậu lại bắt tôi phải nhận cái điều cậu không muốn?

Theo TRẦN HỒNG THẮNG

13. Cậu bé đã làm điều gì không phải với cây si già?

- a) Bẻ cành cây
- b) Chặt đứt rễ cây.
- c) Dùng dao nhọn khắc tên mình lên thân cây.
- d) Vặt hết lá cây.

14. Sau cuộc nói chuyện với cây, cậu bé đã hiểu ra điều gì?

- a) Cây cũng biết đau như con người.
- b) Phải bảo vệ cây cối. Chăm sóc cây cối.
- c) Đừng làm hại cây cối.
- d) Cả a, b, c đều đúng.

Đọc kĩ bài thơ và trả lời câu hỏi 15 và 16:

Hoa phượng

Hôm qua còn lấm tấm
Chen lẫn màu lá xanh
Sáng nay bùng lửa thắm
Rừng rực cháy trên cành
-Bà ơi! Sao mà nhanh!
Phượng mở nghìn mắt lửa,
Cả dãy phố nhà mình
Một trời hoa phượng đỏ.
Hay đêm qua không ngủ
Chị gió quạt cho cây?
Hay mặt trời ủ lửa
Cho hoa bùng hôm nay.

LÊ HUY HÒA

15. Nội dung của bài thơ là gì ?

- a) Tả cây hoa phượng
- b) Tả vẻ đẹp của cây hoa phượng.
- c) Cảm xúc ngỡ ngàng trước vẻ đẹp của hoa phượng.
- d) Tình cảm của tác giả đối với cây hoa phượng.

16. Bài thơ có mấy dấu câu?

- a) Bốn.
- b) Năm.
- c) Sáu.
- d) Bảy.

Chọn lời đáp cho các trường hợp trong câu 17 và 18:

17. *Bác hàng xóm sang chúc Tết. Bố mẹ đi vắng, chỉ có em ở nhà.*

- a) Cháu cảm ơn bác.
- b) Cháu chúc bác luôn khỏe mạnh, làm ăn phát đạt.
- c) Cháu cảm ơn bác. Cháu cũng xin chúc bác sang năm mới luôn mạnh khỏe, làm ăn phát đạt.
- d) Sang năm mới cháu chúc bác khỏe nhé!

18. *Em là lớp trưởng. Trong buổi họp cuối năm, cô giáo phát biểu chúc mừng thành tích của lớp.*

- a) Chúng em cảm ơn cô
- b) Thay mặt lớp, em cảm ơn cô.
- c) Nhờ cô dạy bảo mà lớp đã đạt được thành tích này.
- d) Chúng em rất cảm ơn cô. Nhờ cô dạy bảo mà lớp đã đạt được những thành tích này.

Đọc kĩ mẩu chuyện sau và trả lời câu hỏi 19, 20, 21:

Sự tích hoa dạ lan hương

Ngày xưa, có một ông lão thấy một cây hoa bị vứt lẫn lóc ở ven đường, bèn mang về nhà trồng. Nhờ ông hết lòng chăm bón, cây hoa

sống lại. Rồi nó nở những bông thật to và lớn lấy để tỏ lòng biết ơn ông. Nhưng ban ngày ông lão bận, làm gì có thời gian ngắm hoa.

Hoa bèn xin trời cho nó được đổi vẻ đẹp thành hương thơm để mang lại niềm vui cho ông lão tốt bụng. Cảm động trước tấm lòng của hoa. Trời biến nó thành một loài hoa nhỏ bé, sắc màu không lớn lấy nhưng tỏa hương thơm nồng nàn vào ban đêm. Đó là hoa dạ lan hương.

19. Vì sao cây hoa biết ơn ông lão?

- a) Vì ông đã nhặt cây hoa bị vứt lăn lóc ven đường về trồng.
- b) Vì ông hết lòng chăm sóc cho cây.
- c) Vì ông đã nhặt cây hoa bị vứt lăn lóc ven đường về trồng và hết lòng chăm sóc cho cây sống lại, nở hoa.
- d) Vì ông lão là một người tốt bụng.

20. Lúc đầu cây hoa tỏ lòng biết ơn ông lão bằng cách nào?

- a) Nở những bông hoa thật to và lớn lấy.
- b) Tỏa hương thơm nồng nàn vào ban đêm
- c) Nở những bông hoa trắng muốt.
- d) Nở những bông hoa đỏ thắm.

21. Vì sao trời lại cho hoa có hương thơm vào ban đêm?

- a) Vì hoa đem lại niềm vui cho ông lão.
- b) Vì ban đêm ông lão không phải làm việc nên có thể thưởng thức hương thơm của hoa.
- c) Vì ban đêm không gian thật là tĩnh mịch, ông lão có thể thưởng thức hương thơm của hoa.
- d) Vì ban đêm cảnh vật rất đẹp, ông lão có thể thưởng thức vẻ đẹp của hoa.

TUẦN 30

Đọc thầm bài tập đọc sau:

Ai ngoan sẽ được thưởng

1. Một buổi sáng, Bác Hồ đến thăm trại nhi đồng. Vừa thấy Bác, các em nhỏ đã chạy ùa tới, vây quanh Bác. Ai cũng muốn nhìn Bác cho thật rõ.

Bác đi giữa đoàn học sinh, tay dắt hai em nhỏ nhất. Mắt Bác sáng, da Bác hồng hào. Bác cùng các em đi thăm phòng ngủ, phòng ăn, nhà bếp, nơi tắm rửa,...

2. Khi trở lại phòng họp, Bác ngồi giữa các em và hỏi:

- Các cháu chơi có vui không?

Những lời non nớt vang lên:

- Thưa Bác, vui lắm ạ!

Bác lại hỏi:

- Các cháu ăn có no không?

- No ạ!

- Các cô có mắng phạt các cháu không?

- Không ạ!

Bác khen:

- Thế thì tốt lắm! Bây giờ Bác chia kẹo cho các cháu. Các cháu có thích kẹo không?

Tất cả cùng reo lên:

- Có ạ! Có ạ!

Một em bé giơ tay xin nói:

- Thưa Bác, ai ngoan thì được ăn kẹo, ai không ngoan thì không được ạ!

- Các cháu có đồng ý không?

- Đồng ý ạ!

3. Các em nhỏ đứng thành vòng rộng. Bác cầm gói kẹo chia cho từng em.

Đến lượt Tộ, em không nhận, chỉ khê thưa:

- Thưa Bác, hôm nay cháu không vâng lời cô. Cháu chưa ngoan nên không được ăn kẹo của Bác.

Bác cười trừ mếu:

- Cháu biết nhận lỗi, thế là ngoan lắm! Cháu vẫn được phần kẹo như các bạn khác.

Tộ mừng rỡ nhận lấy kẹo Bác cho.

Theo TÚY PHƯƠNG và THANH TÚ

Dựa vào nội dung bài tập đọc trên, trả lời các câu hỏi 1, 2, 3, 4:

1. Bác Hồ đến thăm ai?

- a) Các cháu nhi đồng
- b) Trại nhi đồng
- c) Các cháu thiếu nhi
- d) Các cháu thanh niên.

2. Bác Hồ hỏi các em học sinh những gì?

- a) Các cháu chơi có vui không.
- b) Các cháu ăn có no không
- c) Các cô có mắng phạt các cháu không? Các cháu có thích ăn kẹo không?
- d) Cả a, b, c đều đúng.

3. Những câu hỏi của Bác cho thấy điều gì?

- a) Bác lo lắng cho các em thiếu nhi.
- b) Bác thương yêu các em thiếu nhi.
- c) Bác rất quan tâm đến đời sống của thiếu nhi.
- d) Cả a, b, c đều đúng.

4. Tại sao bạn Tộ không dám nhận kẹo Bác chia?

- a) Vì bạn Tộ ham chơi.
- b) Vì bạn Tộ nhận thấy mình chưa ngoan, chưa vâng lời cô.
- c) Vì bạn Tộ hay nói chuyện riêng trong lớp
- d) Vì bạn Tộ chưa làm bài tập.

Đọc kĩ bài tập đọc sau và trả lời các câu hỏi 5, 6, 7:

Xem truyền hình

Nhà chú La mới mua ti vi. Cái Liên, con chú, khoe với An:

- Vô tuyến đấy.

Còn chú La bảo đó là cái máy truyền hình. Chú mời khắp hàng xóm sang xem, vì tối nay ti vi sẽ đưa tin về xã nhà.

Chưa đến 7 giờ, nhà chú đã chật ních người. Ai cũng háo hức chờ xem cái máy phát hình xã mình thế nào. Đây rồi! Giọng cô phát thanh viên trong trẻo: "Vừa qua, xã Hoa Ban đã tổ chức lễ kỉ niệm sinh nhật Bác và phát động trồng 1000 gốc thông phủ kín đồi trọc." Những tiếng reo vui, bình phẩm nổi lên: "A, núi Hồng! Kìa, chú La, đúng không? Chú La trẻ quá!"

Đêm ấy, mọi người còn ngồi lại, vừa ăn bắp nướng vừa xem phim mãi đến khuya.

NGUYỄN MINH

5. Chú La mời mọi người đến nhà mình làm gì?

- a) Để khoe chiếc máy truyền hình.
- b) Để xem truyền hình.
- c) Để nghe tin về xã nhà qua vô tuyến truyền hình.
- d) Để xem chương trình ca nhạc trên vô tuyến truyền hình.

6. Tâm trạng mọi người khi đến xem thế nào?

- a) Thích thú
- b) Ngạc nhiên
- c) Vui mừng
- d) Háo hức

7. Vô tuyến truyền hình có vai trò như thế nào đối với đời sống của con người?

- a) Nâng cao hiểu biết.
- b) Bồi dưỡng tình cảm.
- c) Nâng cao hiểu biết và bồi dưỡng tình cảm.
- d) Nâng cao nhận thức về hiện thực của cuộc sống.

8. Dòng nào dưới đây là những từ ngữ nói lên tình cảm của Bác Hồ với thiếu nhi?

- a) yêu, thương, yêu quý, quý mến, quan tâm, chăm sóc.
- b) chăm lo, chăm chút, nhớ ơn, biết ơn.
- c) kính yêu, kính trọng, quan tâm, dạy bảo, quý mến.
- d) thương yêu, kính yêu, kính trọng, tôn kính, biết ơn.

9. Dòng nào dưới đây nêu đúng cấu tạo chữ hoa *M* (kiểu 2)?

- a) Gồm ba nét: một nét móc hai đầu, một nét móc xuôi trái và một nét là kết hợp của hai nét cơ bản lượn ngang và cong trái
- b) Gồm bốn nét: nét một móc ngược phải, nét hai thẳng đứng, nét ba xiên phải, nét bốn móc xuôi phải.
- c) Gồm ba nét: cong trái, lượn đứng và lượn ngang nối liền nhau tạo vòng xoắn (nét thắt) to ở đầu chữ và vòng xoắn (nét thắt) nhỏ ở chân chữ.
- d) Gồm ba nét: nét một móc ngược phải, nét hai thẳng đứng, nét ba xiên phải.

Đọc kĩ bài tập đọc sau và trả lời các câu hỏi 10, 11, 12:

Cháu nhớ Bác Hồ

(Trích)

Đêm nay bên bến Ô Lâu,
Cháu ngồi cháu nhớ chòm râu Bác Hồ.
Nhớ hình Bác giữa bóng cờ
Hồng hào đôi má, bạc phơ mái đầu.
Mắt hiền sáng tựa vì sao
Bác nhìn đến tận Cà Mau cuối trời:
Nhớ khi trăng sáng đầy trời
Trung thu Bác gửi những lời vào thăm.
Đêm đêm cháu những băng khuâng
Giở xem ảnh Bác cất thắm bấy lâu.
Nhìn mắt sáng, nhìn chòm râu,
Nhìn vầng trán rộng, nhìn đầu bạc phơ.
Càng nhìn càng lại ngẩn ngơ,
Ôm hôn ảnh Bác mà ngờ Bác hôn.

Theo THANH HẢI

10. Bạn nhỏ trong bài thơ quê ở đâu?

- a) Quảng Trị
- b) Huế
- c) Thừa Thiên – Huế
- d) Ven sông Ô Lâu

11. Vì sao bạn phải "cất thắm" ảnh Bác?

- a) Vì bạn ở trong vùng địch tạm chiếm.
- b) Vì bạn giặc cấm nhân dân giữ ảnh Bác.
- c) Vì bạn không muốn cho ai biết là bạn có ảnh Bác.
- d) Vì bạn là người rất yêu Bác.

12. Chi tiết nào nói lên tình cảm kính yêu Bác Hồ của bạn nhỏ?

- a) Đêm đêm bạn nhỏ nhớ Bác.
- b) Bạn gỡ ảnh Bác vẫn cất thầm để ngắm, càng ngắm càng mong nhớ.
- c) Ôm hôn ảnh Bác, bạn tưởng như được Bác hôn.
- d) Cả a, b, c đều đúng.

13. Dòng nào dưới đây nêu rõ nghĩa của từ *kính yêu*?

- a) Thương và tôn kính
- b) Kính mến và trọng vọng
- c) Cảm phục và tôn kính.
- d) Tôn trọng và nể.

14. Dòng nào dưới đây nêu đúng nghĩa của từ *chênh vênh*?

- a) Không đều nhau, không ngang nhau.
- b) Nghiêng lệch bên cao, bên thấp.
- c) Trơ trọi không có chỗ dựa chắc chắn ở trên cao.
- d) Không thẳng bằng, nghiêng bên này ngã bên kia.

Đọc kĩ mẩu chuyện sau và trả lời câu hỏi:

Qua suối

Một lần, trên đường đi công tác, Bác Hồ và các chiến sĩ bảo vệ phải qua một con suối. Trên dòng suối có những hòn đá bắc thành lối đi. Khi Bác đã sang đến bờ bên kia, một chiến sĩ đi phía sau bỗng sẩy chân ngã. Bác dừng lại, đợi anh chiến sĩ đi tới, ân cần hỏi:

– Chú ngã có đau không?

Anh chiến sĩ vội đáp:

– Thưa bác, không sao đâu ạ!

Bác bảo:

– Thế thì tốt. Nhưng tại sao chú bị ngã?

– Thưa Bác, tại hòn đá bị kênh ạ.

– Ta nên kê lại để người khác qua suối không bị ngã nữa.

Anh chiến sĩ quay lại kê hòn đá cho chắc chắn. Xong đâu đấy, hai Bác cháu mới tiếp tục lên đường.

(Theo Những ngày được gần Bác)

15. Bác Hồ và các chiến sĩ bảo vệ đi đâu?

- a) Đi kiểm tra mặt trận.
- b) Đi công tác.
- c) Đi lên chiến khu.
- d) Đi về căn cứ địa.

16. Có chuyện gì xảy ra với anh chiến sĩ?

- a) Có một hòn đá bị kênh
- b) Anh chiến sĩ bị ngã
- c) Có một hòn đá bị kênh, anh chiến sĩ bị sẩy chân ngã.
- d) Anh chạy qua suối bị rớt một chiếc dép cao su.

17. Khi biết hòn đá bị kênh, Bác bảo anh chiến sĩ làm gì?

- a) Kê lại hòn đá cho chắc chắn.
- b) Vứt bỏ hòn đá đó đi.
- c) Thay bằng một hòn đá khác.
- d) Làm cầu cho người qua lại.

18. Câu chuyện *Qua suối* nói lên điều gì về Bác Hồ?

- a) Lòng yêu thương của Bác đối với mọi người.
- b) Lòng quan tâm của Bác đối với mọi người
- c) Tình yêu của Bác đối với mọi người.
- d) Lòng nhân hậu của Bác đối với mọi người.

TUẦN 31

Đọc kĩ bài tập sau:

Chiếc rễ đa tròn

1. Buổi sớm hôm ấy, như thường lệ, sau khi tập thể dục, Bác Hồ đi dạo trong vườn. Đến gần cây đa, Bác chợt thấy một chiếc rễ đa nhỏ và dài ngoằn ngoèo nằm trên mặt đất. Chắc là trận gió đêm qua đã làm nó rơi xuống. Bác tần ngần một lát, rồi bảo chú cần vụ đứng gần đấy:

- Chú cuốn rễ này lại, rồi trồng cho nó mọc tiếp nhé!

2. Theo lời Bác, chú cần vụ xới đất, vùi chiếc rễ xuống. Nhưng Bác lại bảo:

- Chú nên làm thế này.

Nói rồi, Bác cuộn rễ thành một vòng tròn và bảo chú cần vụ buộc nó tựa vào hai cái cọc, sau đó mới vùi hai đầu rễ xuống đất.

Chú cần vụ thắc mắc:

- Thưa Bác, làm thế để làm gì ạ?

Bác khẽ cười:

- Rồi chú sẽ biết.

3. Nhiều năm sau, chiếc rễ đã bén đất và thành cây đa con có vòng lá tròn. Thiếu nhi vào thăm vườn Bác, em nào cũng thích chơi trò chui qua chui lại vòng lá ấy. Lúc đó mọi người mới hiểu vì sao Bác cho trồng chiếc rễ đa thành hình tròn như thế.

Theo tập sách BÁC HỒ KÍNH YÊU

Dựa vào nội dung bài tập đọc trên, trả lời các câu hỏi 1, 2, 3:

1. Thấy chiếc rễ đa nằm trên mặt đất, Bác bảo chú cần vụ làm gì?

- a) Vứt chiếc rễ đa đó đi.
- b) Cuốn chiếc rễ đa lại cất đi.
- c) Cuốn chiếc rễ đa lại rồi trồng nó.
- d) Cuốn chiếc rễ đa lại rồi đem phơi nắng.

2. Chiếc rễ đa ấy đã trở thành một cây đa có hình dáng ra sao?

- a) Có vòng lá tròn.
- b) Có hình dáng cong queo.
- c) Có tán lá khum khum.
- d) Có tán lá như một cái lọng.

3. Các bạn nhỏ thích chơi trò gì bên cây đa?

- a) Chơi trò trốn tìm.
- b) Chơi trò bịt mắt bắt dê.
- c) Chơi trò dung dăng dung dẻ.
- d) Chơi trò chui qua chui lại vòng lá ấy.

4. Dòng nào dưới đây nêu đúng nội dung lời kể của tranh 2 trong truyện *Chiếc rễ đa tròn* (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, trang 109) ?

- a) Vào một buổi sớm, sau khi tập thể dục, Bác đi dạo trong vườn. Đến gần cây đa, Bác nhìn thấy một chiếc rễ đa nhỏ dài ngoằn ngoèo nằm trên mặt đất. Bác tần ngần một lúc rồi bảo chú cần vụ:
 - Chú cuộn rễ này lại rồi trồng cho nó mọc tiếp nhé.
- b) Theo lời Bác, chú cần vụ xới đất vùi rễ cây xuống. Nhưng Bác lại bảo:
 - Cháu nên làm thế này.

c) Vừa nói Bác vừa cuộn chiếc rễ thành một vòng tròn và bảo chú cần vụ buộc nó tựa vào hai cái cọc, sau đó mới vùi rễ xuống đất. Thấy vậy chú cần vụ thắc mắc:

– Thưa Bác, làm thế để làm gì?

Bác khẽ cười:

– Rồi chú sẽ biết.

d) Sau nhiều năm, chiếc rễ đã bén đất và thành cây đa có vòng lá tròn. Thiếu nhi mỗi lần vào thăm vườn Bác, em nào cũng thích chơi trò chui qua chui lại vòng lá đó. Lúc này mọi người mới hiểu vì sao Bác cho trồng chiếc rễ đa thành hình tròn như thế.

Đọc kĩ bài thơ sau và trả lời câu hỏi 5, 6, 7:

Việt Nam có Bác

*Bác là non nước trời mây
Việt Nam có Bác mỗi ngày đẹp hơn.
Còn cao hơn đỉnh Trường Sơn,
Nghìn năm chung đúc tâm hồn ông cha.
Điệu lục bát, khúc dân ca,
Việt Nam là Bác, Bác là Việt Nam.*

LÊ ANH XUÂN

5. Nội dung chính của bài thơ là gì?

- a) Ca ngợi đất nước Việt Nam.
- b) Nói về Bác Hồ
- c) Ca ngợi Bác là người tiêu biểu cho dân tộc Việt Nam.
- d) Ca ngợi tình thương yêu bao la của Bác.

6. Bài thơ có mấy tên riêng?

- a) Hai
- b) Ba
- c) Bốn
- d) Năm.

7. Những chữ nào trong bài được viết hoa?

- a) Những chữ cái đầu dòng thơ.
- b) Tất cả các chữ cái.
- c) Những tên riêng
- d) Những chữ cái đầu bài, đầu dòng thơ và tên riêng.

Đọc kĩ bài tập đọc sau và trả lời các câu hỏi 8, 9:

Cây và hoa bên lăng Bác

Trên quảng trường Ba Đình lịch sử, lăng Bác uy nghi mà gần gũi. Cây và hoa khắp miền đất nước về đây hội tụ, đâm chồi, phô sắc, tỏa ngát hương thơm.

Ngay thềm lăng, mười tám cây vạn tuế tượng trưng cho một hàng quân danh dự đứng trang nghiêm. Hướng chính lăng, cạnh hàng dẫu nước thẳng tắp, những đóa hoa ban đã nở lửa đầu.

Sau lăng, những cành đào Sơn La khỏe khoắn vươn lên, reo vui với nhành sứ đỏ của đồng bằng Nam Bộ. Trên bậc tam cấp, hoa dạ hương chưa đơm bông, nhưng hoa nhài trắng mịn, hoa mộc, hoa ngâu kết cụm đang tỏa hương ngào ngạt.

Cây và hoa của non sông gấm vóc đang dâng niềm tôn kính thiêng liêng theo đoàn người vào lăng viếng Bác.

Theo TẬP ĐỌC 4, 1977

8. Có mấy loài cây được trồng phía trước lăng Bác. Đó là những loài cây gì?

- a) Hai: Đó là:
- b) Ba: Đó là:
- c) Bốn: Đó là:
- d) Năm: Đó là:

9. Có mấy loài hoa nổi tiếng ở khắp miền đất nước được trồng quanh làng Bác?

- a) Bốn b) Năm c) Sáu d) Bảy.

10. Dòng nào sau đây cho thấy cây và hoa cũng mang tình cảm của con người đối với Bác?

- a) Cây và hoa khắp miền đất nước về đây hội tụ, đâm chồi phở sắc, tỏa ngát hương thơm.
b) Ngay thềm lăng mười tám cây vạn tuế tượng trưng cho hàng quân danh dự đứng nghiêm trang.
c) Cây và hoa của non sông gấm vóc đang dâng niềm tôn kính thiêng liêng theo đoàn người vào lăng viếng Bác.
d) Sau lăng, những cành đào Sơn La khỏe khoắn vươn lên, reo vui với nhành sứ đỏ Nam Bộ.

11. Điền dấu thích hợp vào mỗi ô trống trong đoạn văn sau:

Một hôm, Bác Hồ đến thăm một ngôi chùa ☐ Lệ thường, ai vào cũng phải bỏ dép ☐ Nhưng vì sự cả mời Bác cứ đi cả dép vào ☐ Bác không đồng ý ☐ Đến thăm chùa, Bác cởi dép để ngoài như mọi người, xong mới bước vào.

- a) Dấu chấm b) Dấu phẩy
c) Dấu hai chấm d) Dấu chấm phẩy.

12. Dòng nào sau đây nêu đúng cấu tạo của chữ hoa *N* (kiểu 2)?

- a) Cấu tạo bởi ba nét: nét một móc ngược phải, nét hai thẳng đứng, nét ba xiên phải.
b) Gồm hai nét: nét một giống chữ O, nét hai là nét lượn ngang giống như một dấu ngã lớn.
c) Được viết liền mạch từ hai nét cơ bản: nét lượn đứng và nét cong phải nối liền nhau tạo một nét thắt nhỏ ở chân chữ, thêm một nét ngang ngắn.
d) Gồm hai nét là nét móc hai đầu và một nét là kết hợp của hai nét cơ bản lượn ngang và cong trái.

Đọc kĩ bài tập đọc sau và trả lời các câu hỏi 13, 14, 15:

Bảo vệ như thế là rất tốt

Đơn vị bảo vệ Bác Hồ ở chiến khu có thêm một chiến sĩ mới. Đó là Lí Phúc Nha, người dân tộc Sán Chỉ.

Ngày đầu đứng gác trước nhà Bác, Nha vừa tự hào, vừa lo. Anh chăm chú nhìn con đường dẫn vào vọng gác. Đang quan sát, bỗng anh thấy từ xa một cụ già cao gầy, chân đi dép cao su rảo bước về phía mình.

Nha chưa kịp hỏi, ông cụ đã cất tiếng chào:

- Chú gác ở đây à?

Nói rồi, cụ định đi vào nhà. Nha vội nói:

- Cụ cho cháu xem giấy tờ ạ!

Ông cụ vui vẻ bảo:

- Bác đây mà.

- Bác cũng phải có giấy mà! Có giấy mới được vào!

Lúc ấy, đại đội trưởng chạy tới, hoảng hốt:

- Bác Hồ đây mà. Sao đồng chí không để Bác vào nhà của Bác?

Nhưng Bác Hồ đã ôn tồn bảo:

- Chú ấy làm nhiệm vụ bảo vệ như thế là rất tốt.

Theo tập sách BÁC HỒ KÍNH YÊU

13. Anh Nha được giao nhiệm vụ gì?

- a) Bảo vệ Bác.
b) Gác trước cửa nhà Bác để bảo vệ Bác.
c) Đi tuần chung quanh nhà Bác để bảo vệ Bác.
d) Làm người liên lạc cho Bác.

14. Vì sao anh Nha hỏi giấy tờ của Bác Hồ?

- a) Vì anh Nha chưa biết mặt Bác Hồ.
- b) Vì anh Nha làm nhiệm vụ bảo vệ Bác.
- c) Vì anh Nha thực hiện đúng nguyên tắc: ai muốn vào nơi Bác ở phải trình giấy tờ.
- d) Vì anh Nha là một người bảo vệ nghiêm túc.

15. Bác Hồ khen anh Nha là một người thế nào?

- a) Biết giữ gìn bí mật.
- b) Là một người nghiêm túc.
- c) Là một người giữ vững nguyên tắc.
- d) Là một người làm nhiệm vụ bảo vệ tốt.

16. Từ nào bên dưới có nghĩa như sau:

Cất giữ kín, không cho ai thấy hoặc biết.

- a) Giữ gìn b) Giấu c) Giấu dúi d) Cất kín

Chọn lời đáp đúng với những trường hợp của các câu 17 và 18:

17. Em quét dọn nhà cửa sạch sẽ, được cha mẹ khen.

- a) Có gì đâu
- b) Chuyện nhỏ mà
- c) Con cảm ơn ba. Có gì đâu ạ.
- d) Thật thế hở ba? Ngày nào con cũng quét nhà thật sạch để ba má vui.

18. Em vứt một hòn đá nằm giữa đường sang bên đường để người qua lại không bị vấp; một cụ già nhìn thấy, khen em.

- a) Cháu cảm ơn cụ, không có gì đâu ạ.
- b) Chuyện nhỏ mà cụ.
- c) Không có gì đâu cụ ơi.
- d) Cả b và c đều đúng.

TUẦN 32

Đọc thầm bài tập đọc sau:

Chuyện quả bầu

1. Ngày xưa ngày xưa có hai vợ chồng đi rừng, bắt được một con dúi. Dúi lay van xin tha, hứa sẽ nói một điều bí mật. Hai vợ chồng thương tình tha cho. Dúi báo sắp có mưa to gió lớn làm ngập lụt khắp nơi. Nó khuyên họ lấy khúc gỗ to, khoét rỗng, chuẩn bị thức ăn đủ bảy ngày, bảy đêm, rồi chui vào đó, bịt kín miệng gỗ bằng sáp ong, hết hạn bảy ngày hãy chui ra.

2. Hai vợ chồng làm theo. Họ còn khuyên bà con trong bản cùng làm nhưng chẳng ai tin. Hai người vừa chuẩn bị xong thì sấm chớp ùng ùng, mây đen ùn ùn kéo đến. Mưa to, gió lớn, nước ngập mênh mông. Muôn loài đều chết chìm trong biển nước. Nhờ sống trong khúc gỗ nổi như thuyền, hai vợ chồng thoát nạn. Sau bảy ngày, họ chui ra. Cỏ cây vàng úa. Mặt đất vắng tanh không còn một bóng người.

3. Ít lâu sau, người vợ sinh ra một quả bầu. Thấy chồng buồn, chị đem bầu cất lên giàn bếp.

Một lần, hai vợ chồng đi làm nương về, nghe thấy tiếng cười đùa trong bếp. Lấy làm lạ, họ lấy quả bầu xuống, áp tai nghe thì thấy có tiếng lao xao. Người vợ lấy que đốt thành cái dùi, rồi nhẹ nhàng dùi quả bầu.

Lạ thay, từ trong quả bầu, những con người bé nhỏ nhảy ra. Người Khơ-mú nhanh nhẩu ra trước, dính than nên hơi đen. Tiếp đến, người Thái, người Mường, người Dao, người Hmông, người Ê-đê, người Ba-na, người Kinh, ... lần lượt ra theo.

Đó là tổ tiên của các dân tộc anh em trên đất nước ta ngày nay.

Theo TRUYỆN CỔ KHƠ-MÚ

Dựa vào nội dung bài tập đọc trên trả lời các câu hỏi 1, 2, 3, 4:

1. Con dúì làm gì khi bị hai vợ chồng người đi rừng bắt?

- a) Van xin.
- b) Hứa nói điều bí mật.
- c) Van xin và hứa nói điều bí mật.
- d) Khuyên hai vợ chồng tìm cách chống lụt.

2. Con dúì mách bảo hai vợ chồng người đi rừng điều gì?

- a) Sắp có mưa to bão lớn làm ngập lụt khắp miền.
- b) Sắp có nạn động đất.
- c) Sắp có nạn hạn hán kéo dài
- d) Sắp sửa có một đợt gió lạnh tràn về.

3. Có chuyện gì lạ xảy ra với hai vợ chồng sau nạn lụt?

- a) Chị vợ sinh ra quả bầu.
- b) Có tiếng người lao xao trong quả bầu.
- c) Từ trong quả bầu, những con người nhỏ bé nhảy ra.
- d) Cả a, b, c đều đúng.

4. Có mấy dân tộc từ trong quả bầu lần lượt ra?

- a) Bảy.
- b) Tám.
- c) Chín.
- d) Mười

5. Điền âm nào thích hợp vào chỗ trống cho câu ca dao sau đây:

*Đi đâu mà ... ội mà ... àng
Mà ...ấp phải đá, mà quàng phải dây
Thong thả như chúng em đây
Chẳng đá nào ...ấp, chẳng dây nào quàng.*

- a) d
- b) v
- c) n
- d) h

Những từ nào sau đây có nghĩa được nêu trong câu 6 và 7:

6. Đi qua chỗ có nước.

- a) Bơi
- b) Vượt
- c) Lội
- d) Trèo

7. Mềm nhưng bền, khó làm đứt.

- a) Cứng
- b) Chắc
- c) Dẻo
- d) Dai

Đọc kĩ bài tập đọc sau và trả lời các câu hỏi 8, 9, 10, 11:

Quyển sổ liên lạc

Ai cũng bảo bố Trung lắm hoa tay. Bố làm gì cũng khéo, viết chữ thì đẹp. Chẳng hiểu sao, Trung không có được hoa tay như thế. Tháng nào, trong sổ liên lạc, cô giáo cũng nhắc Trung phải tập viết thêm ở nhà.

Một hôm, bố lấy trong tủ ra một quyển sổ mỏng đã ngả màu, đưa cho Trung. Trung ngạc nhiên: đó là quyển sổ liên lạc của bố ngày bố còn là một cậu học trò lớp hai. Trang sổ nào cũng ghi lời thầy khen bố Trung chăm ngoan, học giỏi. Nhưng cuối lời phê, thầy thường nhận xét chữ bố Trung nguệch ngoạc, cần luyện viết nhiều hơn. Trung băn khoăn:

- Sao chữ bố đẹp thế mà thầy còn chê?

Bố bảo:

- Đây là do sau này bố tập viết rất nhiều, chữ mới được như vậy.
- Thế bố có được thầy khen không?

Giọng bố buồn hẳn:

- Không. Năm bố học lớp ba, thầy đi bộ đội rồi hi sinh.

NGUYỄN MINH

8. Trong sổ liên lạc, cô giáo nhắc Trung điều gì?

- a) Phải chăm chỉ học tập.
- b) Phải biết giữ gìn sức khỏe.
- c) Phải tập viết thêm ở nhà.
- d) Phải học thêm môn Tiếng Việt.

9. Vì sao cô giáo cũng nhắc Trung phải tập viết thêm ở nhà?

- a) Vì chữ Trung xấu.
- b) Vì Trung viết rất cầu thả.
- c) Vì Trung viết thiếu nét chữ.
- d) Vì Trung không viết được chữ.

10. Bố đưa quyển sổ liên lạc cũ của bố cho Trung xem để làm gì?

- a) Để khoe chữ với Trung
- b) Để khoe thành tích học tập với Trung
- c) Để khoe sự tiến bộ của bố khi còn nhỏ với Trung
- d) Để cho Trung biết ngày nhỏ chữ của bố rất xấu nhưng nhờ chăm chỉ luyện tập nên chữ bố mới đẹp.

11. Sổ liên lạc có tác dụng như thế nào đối với các em?

- a) Ghi nhận xét của thầy (cô) về kết quả học tập của em.
- b) Giúp cha mẹ biết em học tập ở trường như thế nào?
- c) Có tác dụng động viên, vừa giúp em sửa chữa thiếu sót.
- d) Cả a, b, c đều đúng.

12. Dòng nào dưới đây có cặp từ trái nghĩa nhau?

- a) đẹp – xấu, nóng – cao, dài – thấp
- b) lên – xuống, nóng – lạnh, ghét – khen
- c) thấp – cao, khen – chê, trời – đất, ngày – đêm
- d) dưới – trời, trên – dưới, thấp – dài, yêu – ghét

13. Chọn dấu nào thích hợp để điền vào các ô trống trong đoạn văn sau:

Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "Đồng bào Kinh hay Tày ☐ Mường hay Dao ☐ Gia-rai hay Ê-đê ☐ Xơ-đăng hay Ba-na và các dân tộc ít người khác đều là con cháu Việt Nam ☐ đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau ☐ sướng khổ cùng nhau ☐ no đói giúp nhau.

- a) Dấu chấm
- b) Dấu phẩy
- c) Dấu chấm phẩy
- d) Dấu hai chấm

14. Dòng nào dưới đây nêu đúng cấu tạo của chữ hoa Q (kiểu 2)?

- a) Gồm một nét viết liền là kết hợp của hai nét cơ bản: nét cong trên, cong phải và lượn ngang.

b) Viết liền một nét là kết hợp của hai nét cơ bản: cong dưới và cong trái nối liền nhau tạo vòng to ở đầu chữ.

c) Gồm một nét viết liền là kết hợp của ba nét cơ bản: hai nét cong trái và một nét lượn ngang.

d) Gồm một nét viết liền, là kết hợp của hai nét cơ bản: cong dưới và móc ngược (trái) nối liền nhau tạo vòng xoắn to ở đầu chữ, cuối nét lượn vào trong.

Đọc kĩ bài tập đọc sau và trả lời các câu hỏi 15, 16, 17:

Tiếng chổi tre

Những đêm hè
Khi ve ve
Đã ngủ
Tôi lắng nghe
Trên đường Trần Phú
Tiếng chổi tre
Xao xác
Hàng me
Tiếng chổi tre
Đêm hè
Quét rác...

15. Nhà thơ nghe thấy tiếng chổi tre vào lúc nào?

- a) Vào ban ngày
- b) Vào ban đêm
- c) Vào buổi sáng
- d) Vào buổi chiều

16. Câu thơ nào sau đây ca ngợi chị lao công?

- a) Chị quét / Những đêm hè / Đêm đông gió rét.
- b) Chị lao công / Đêm đông / Quét rác.
- c) Tiếng chổi tre / Đêm hè quét rác.
- d) Chị lao công / Như sắt / Như đồng.

17. Nhà thơ muốn nói với em điều gì qua bài thơ?

- a) Chị lao công làm việc vất vả.
- b) Tả vẻ đẹp khỏe khoắn mạnh mẽ của chị lao công.
- c) Ca ngợi chị lao công đã làm đẹp cho thành phố.
- d) Nhớ ơn chị lao công em hãy giữ gìn đường phố sạch đẹp.

Chọn lời đáp đúng cho các trường hợp của các câu 18, 19, 20:

18. Em muốn mượn bạn quyển truyện. Bạn bảo: "Truyện này tớ cũng đi mượn."

- a) Bạn chẳng cho mượn thì thôi, tớ cũng không cần nữa.
- b) Thế à? Bạn đọc xong kể cho mình nghe với được không?
- c) Bạn có thể cho mình biết bạn mượn của ai không? Mình sẽ hỏi mượn sau.
- d) Cả b và c đều đúng.

19. Em nhờ bố em giúp làm bài tập vẽ. Bố bảo: "Con cần tự làm bài chứ"

- a) Con sẽ cố gắng vậy.
- b) Nhưng khó quá bố ạ. Thế bố gợi ý cho con vẽ vậy.
- c) Thôi được, con quyết cố gắng vẽ cho kì được mới thôi.
- d) Cả a, b, c đều đúng.

20. Em xin đi chợ cùng mẹ. Mẹ bảo: "Con ở nhà học bài đi"

- a) Lần sau, con làm xong bài, mẹ cho con đi cùng nhé.
- b) Thế thì thôi, con chả cần đi nữa.
- c) Con đâu có thích đi chợ, con đi cùng mẹ cho mẹ vui ấy mà.
- d) Mẹ phải cho con đi chợ cùng, không thì con không làm bài đâu.

TUẦN 33

Đọc thầm bài tập đọc sau:

Bóp nát quả cam

1. Giặc Nguyên cho sứ thần sang giả vờ mượn đường để xâm chiếm nước ta. Thấy sứ giặc ngang ngược đủ điều. Trần Quốc Toản vô cùng căm giận.

2. Sáng nay, biết Vua họp bàn việc nước ở dưới thuyền rồng, Quốc Toản quyết đợi gặp Vua để nói ra tiếng "xin đánh". Đợi từ sáng đến trưa, vẫn không được gặp, cậu bèn liều chết xô mấy người lính gác ngã chúi, xăm xăm xuống bến. Quân lính ập đến vây kín. Quốc Toản mặt đỏ bừng bừng, tuốt gươm, quát lớn:

- Ta xuống xin bệ kiến Vua, không kẻ nào được giữ ta lại.

3. Vừa lúc ấy, cuộc họp dưới thuyền rồng tạm nghỉ, Vua cùng các vương hầu ra ngoài mui thuyền.

Quốc Toản bèn chạy đến, quỳ xuống tâu:

- Cho giặc mượn đường là mất nước. Xin Bệ hạ cho đánh!

Nói xong, cậu tự đặt thanh gươm lên gáy, xin chịu tội.

Vua truyền cho Quốc Toản đứng dậy, ôn tồn bảo:

- Quốc Toản làm trái phép nước, lẽ ra phải trị tội. Nhưng xét thấy em còn trẻ mà đã biết lo việc nước, ta có lời khen.

Nói rồi, Vua ban cho Quốc Toản một quả cam.

4. Quốc Toản tạ ơn Vua, chân bước lên bờ mà lòng ấm ức: "Vua ban cho cam quý nhưng xem ta như trẻ con, vẫn không cho dự bàn việc nước." Nghĩ đến quân giặc đang lăm le đè đầu cưỡi cổ dân mình, cậu nghiêng răng, hai bàn tay bóp chặt.

Thấy Quốc Toản trở lại, mọi người ùa tới. Cậu xòe bàn tay phải cho họ xem cam quý Vua ban. Nhưng quả cam đã nát từ bao giờ.

Theo NGUYỄN HUY TƯỜNG

Dựa vào nội dung bài tập đọc trên, trả lời các câu hỏi 1, 2, 3, 4, 5:

1. Giặc Nguyên có âm mưu gì đối với nước ta?

- a) Xâm chiếm nước ta.
- b) Giả vờ mượn đường để xâm chiếm nước ta.
- c) Đàn áp nhân dân ta.
- d) Cướp tài nguyên quý báu của đất nước ta.

2. Thấy sứ giặc ngang ngược, thái độ của Trần Quốc Toản như thế nào?

- a) Vô cùng căm giận.
- b) Vô cùng tức tối.
- c) Muốn lột da quân giặc.
- d) Muốn phanh thây quân giặc.

3. Trần Quốc Toản nóng lòng gặp vua để làm gì?

- a) Để được trả thù quân giặc.
- b) Để được đánh đuổi quân giặc.
- c) Để được nói hai tiếng "xin đánh".
- d) Cả a, b, c đều đúng.

4. Vì sao Quốc Toản vô tình bóp nát quả cam?

- a) Vì Quốc Toản căm thù quân giặc.
- b) Vì Quốc Toản không được ra trận.
- c) Vì Quốc Toản nóng lòng muốn gặp vua.
- d) Vì Quốc Toản đang ầm ức vì bị vua xem như trẻ con.

5. Qua câu chuyện, em hiểu điều gì?

- a) Trần Quốc Toản là một thiếu niên yêu nước.
- b) Trần Quốc Toản tuổi nhỏ mà đã biết lo cho dân cho nước.
- c) Người thiếu niên anh hùng Trần Quốc Toản tuổi nhỏ, chí lớn, giàu lòng yêu nước, căm thù giặc.
- d) Cả a, b, c đều đúng.

6. Dòng nào dưới đây nêu đúng nội dung lời kể của tranh 3 trong truyện *Bóp nát quả cam* (SGK Tiếng Việt 2, tập 2, trang 126)

- a) Hồi ấy giặc Nguyên cho sứ thần vờ sang mượn đường để

xâm chiếm nước ta. Thấy giặc ngông nghênh, Trần Quốc Toản vô cùng căm giận.

- b) Vừa lúc ấy cuộc họp dưới thuyền tạm nghỉ, vua cùng các vương hầu ra ngoài. Quốc Toản vội chạy đến, quỳ xuống tâu:

– Cho giặc mượn đường là mất nước. Xin bệ hạ cho đánh. Nói xong, Quốc Toản bèn đặt thanh gươm lên gáy xin chịu tội.

Vua truyền cho Quốc Toản đứng lên rồi ôn tồn nói:

- Quốc Toản làm trái phép nước, lẽ ra phải chịu tội. Nhưng xét thấy còn trẻ mà đã lo việc nước, ta có lời khen.

- c) Quốc Toản tạ ơn vua, chân bước lên bờ mà lòng ầm ục: "Vua ban cho cam quý, nhưng coi ta như trẻ con, vẫn không cho dự bàn việc nước." Nghĩ đến quân giặc đang lấn le xâm phạm đất nước, Quốc Toản bóp nát quả cam từ lúc nào không biết.

- d) Sáng hôm ấy, biết vua họp bàn việc nước ở thuyền rồng, Trần Quốc Toản quyết đợi vua để được xin nói hai tiếng "xin đánh". Nhưng đợi từ sáng đến trưa vẫn không được gặp, cậu bèn liều chết xô mấy người lính, xầm xầm bước xuống thuyền. Quân lính thấy vậy bèn ập đến vây kín.

- Ta muốn xin bệ kiến vua, không kẻ nào được giữ ta lại.

Đọc kĩ bài tập đọc sau và trả lời câu hỏi 7, 8, 9, 10:

Lá cờ

- Ra coi, mau lên!

Chị tôi vừa gọi, vừa kéo tôi chạy ra cửa. Chị chỉ tay về phía bót:

- Thấy gì chưa?

Tôi thấy rồi. Cờ! Cờ đỏ sao vàng trên cột cờ trước bót. Tôi ngỡ ngàng ngắm lá cờ rực rỡ với ngôi sao vàng năm cánh đang bay phấp phới trên nền trời xanh mênh mông buổi sáng.

Cờ mọc trước cửa mỗi nhà. Cờ bay trên những ngọn cây xanh lá. Cờ đậu trên tay những người đang lũ lượt đổ về chợ. Trên dòng sông

mênh mông, bao nhiêu là xuống với những lá cờ mỗi lúc mỗi gần nhau, đổ về bến chợ. Xuống nối nhau, san sát, kết thành một chiếc bè đầy cờ, bập bênh trên sóng.

Đó là buổi mít tinh đầu tiên của dân làng tôi mừng ngày Cách mạng tháng Tám thành công.

Theo NGUYỄN QUANG SÁNG

7. Thoạt tiên, bạn nhỏ nhìn thấy lá cờ ở đâu?

- a) Cờ mọc trước cửa mỗi nhà.
- b) Cờ trên cột cờ trước đồn giặc.
- c) Cờ trên những ngọn cây xanh.
- d) Cờ đậu trên tay mọi người.

8. Hình ảnh lá cờ đẹp như thế nào?

- a) Đậu trên tay những người đang lũ lượt đổ về chợ.
- b) Trên dòng sông mênh mông, bao nhiêu là xuống với những lá cờ mỗi lúc một gần nhau.
- c) Xuống nối nhau, san sát kết thành một chiếc bè đầy cờ, bập bênh trên sóng.
- d) Lá cờ rực rỡ với ngôi sao vàng năm cánh đang bay phấp phới trên nền trời xanh mênh mông buổi sáng.

9. Mọi người mang cờ đi đâu?

- a) Mọi người mang cờ đi tham gia buổi mít tinh đầu tiên mừng ngày Cách Mạng Tháng Tám thành công.
- b) Mọi người mang cờ đi đấu tranh đòi đuổi thực dân Pháp rút khỏi đất nước.
- c) Mọi người mang cờ đi mừng chiến thắng khi đất nước ta giành được độc lập.
- d) Mọi người mang cờ đi biểu tình chống lại chế độ thực dân Pháp tàn bạo.

10. Hình ảnh những lá cờ mọc lên ở khắp nơi nói lên điều gì?

- a) Cách mạng đã thành công. Mọi người đều vui mừng khi Cách mạng thành công.
- b) Họ yêu quý lá cờ – biểu tượng của cách mạng, của Tổ quốc.
- c) Cả a, b đều đúng.
- d) Cả a, b đều sai.

11. Từ ngữ nào nói lên phẩm chất của nhân dân ta?

- a) anh hùng, dũng cảm, đảm đang, cần cù, cao lớn, vui vẻ.
- b) thông minh, gan dạ, can trường, rực rỡ, phấp phới.
- c) đoàn kết, anh dũng, cần cù, chịu khó, chăm chỉ, thông minh.
- d) phấn khởi, kiên cường, trung dũng, khó khăn, vất vả.

12. Dòng nào dưới đây nêu đúng cấu tạo của chữ V hoa (kiểu 2)?

- a) Viết liền một nét, là sự kết hợp của hai nét cơ bản: cong dưới và cong trái nối liền nhau tạo vòng to ở đầu chữ.
- b) Gồm một nét viết liền, là kết hợp của ba nét cơ bản: nét móc hai đầu (trái – phải), nét cong phải (hơi duỗi không thật cong như bình thường) và nét cong dưới nhỏ.
- c) Gồm một nét viết liền, là kết hợp của ba nét cơ bản: hai nét cong trái và một nét lượn ngang.
- d) Gồm một nét viết liền là kết hợp của hai nét cơ bản: cong dưới và móc ngược (trái) nối liền với nhau tạo vòng xoắn to ở đầu chữ, cuối nét lượn vào trong.

Đọc kĩ bài tập đọc sau và trả lời các câu hỏi 13, 14, 15:

Lượm

Chú bé loắt choắt
Cái xắc xinh xinh
Cái chân thoăn thoắt
Cái đầu nghênh nghênh.

Ca lô đội lệch
Mồm huýt sáo vang
Như con chim chích
Nhảy trên đường vàng...

Một hôm nào đó
Như bao hôm nào
Chú đồng chí nhỏ
Bỏ thư vào bao

Vụt qua mặt trận
Đạn bay vèo vèo
Thư đề "Thượng khẩn"
Sợ chi hiểm nghèo.

Đường quê vắng vẻ
Lúa trĩu đòng đòng
Ca lô chú bé
Nhấp nhô trên đồng...

TỔ HỮU

13. Những từ loắt choắt, xinh xinh, thoăn thoắt, nghênh nghênh, ca-lô đội lệch, mồm huýt sáo, như chim chích, nhảy trên đường, nêu lên những nét đặc biệt gì về chú bé Lượm?

- a) Hình dáng của chú bé Lượm.
- b) Tính cách của chú bé Lượm.
- c) Hành động của chú bé Lượm.
- d) Những nét ngộ nghĩnh, đáng yêu của chú bé Lượm.

14. Lượm làm nhiệm vụ gì?

- a) Làm liên lạc chuyển thư ra mặt trận.
- b) Làm liên lạc dẫn đường cho cán bộ.
- c) Làm liên lạc ở ngoài chiến lũy.
- d) Làm công tác tình báo trong hàng ngũ giặc.

15. Nội dung chính của bài là gì?

- a) Ca ngợi hành động dũng cảm của chú bé Lượm.
- b) Ca ngợi chú bé ngộ nghĩnh, đáng yêu và dũng cảm.
- c) Ca ngợi chú bé thông minh và dũng cảm.
- d) Ca ngợi chú bé cần cù, giàu nghị lực và dũng cảm.

Chọn lời đáp đúng cho các trường hợp của các câu 16, 17:

16. Em buồn vì điểm kiểm tra không tốt. Cô giáo an ủi: "Đừng buồn. Nếu cố gắng hơn, em sẽ được điểm tốt."

- a) Được rồi, lần sau em sẽ cố gắng.
- b) Dạ, em cảm ơn cô. Em nhất định sẽ cố gắng ạ!
- c) Cũng tại em thiếu cẩn thận thôi ạ. Lần sau em sẽ cố gắng hơn.
- d) Cả b và c đều đúng.

17. Em rất tiếc vì bị mất con chó. Bạn em nói: "Mình chia buồn với bạn"

- a) Cảm ơn bạn. Mình hi vọng nó sẽ trở về.
- b) Mình không cần bạn chia sẻ với mình, nhất định con chó sẽ trở về.
- c) Cảm ơn bạn đã an ủi mình.
- d) Cả a và c đều đúng.

TUẦN 34

Đọc thầm bài tập đọc sau:

Người làm đồ chơi

1. Bác Nhân, hàng xóm nhà tôi, là một người làm đồ chơi bằng bột màu.

Ở ngoài phố, cái sào nứa cắm đồ chơi của bác dựng chỗ nào là chỗ ấy trẻ con xúm lại. Các bạn ngắm đồ chơi, tò mò xem bác nặn những ông Bụt, Thạch Sanh, Tôn Ngộ Không, những con vịt, con gà... sắc màu sặc sỡ.

Bác Nhân rất vui với công việc của mình. Mỗi chiều bán hàng về, bác lại kể cho tôi nghe trẻ nhỏ thích đồ chơi của bác như thế nào.

2. Đạo này, hàng của bác Nhân bỗng bị ế. Những đồ chơi mới bằng nhựa đã xuất hiện.

Một hôm, bác Nhân bảo: bác sắp về quê làm ruộng, không nặn đồ chơi nữa.

Tôi suýt khóc, nhưng cố tỏ ra bình tĩnh:

- Bác đừng về. Bác ở đây làm đồ chơi bán cho chúng cháu.
- Nhưng độ này chả mấy ai mua đồ chơi của bác nữa.
- Cháu mua và sẽ rủ bạn cháu cùng mua.

Bác cảm động ôm lấy tôi.

3. Hôm sau là buổi bán hàng cuối cùng của bác Nhân. Sáng ấy, tôi đập con lợn đất, đếm được hơn mười nghìn đồng. Tôi chia nhỏ món tiền, nhờ mấy bạn trong lớp mua giúp đồ chơi của bác.

Gặp bác chiều ấy, tôi thấy bác rất vui. Bác tặng tôi hai con giống, rồi kể: "Hôm nay, bác bán hết nhẵn hàng. Thì ra, vẫn còn nhiều trẻ nhỏ thích đồ chơi của Bác."

Bác còn bảo:

- Về quê, bác cũng sẽ nặn đồ chơi để bán. Nghe nói trẻ ở nông thôn thích thứ này hơn trẻ thành phố.

Theo XUÂN QUỲNH

Dựa vào nội dung bài tập đọc trên, trả lời các câu hỏi 1, 2, 3, 4, 5:

1. Bác Nhân làm nghề gì?

- a) Bán hàng rong trên hè phố.
- b) Bán hàng ở cửa hiệu tạp hóa.
- c) Nặn đồ chơi bằng bột màu.
- d) Bán đồ chơi cho trẻ em.

2. Các bạn nhỏ thích đồ chơi của bác như thế nào?

- a) Các bạn xúm đông lại ở những chỗ dựng cái sào nứa cắm đồ chơi của Bác.
- b) Các bạn ngắm đồ chơi.
- c) Các bạn tò mò xem bác nặn hình người, hình các con vật.
- d) Cả a, b, c đều đúng.

3. Vì sao bác Nhân quyết định chuyển về quê?

- a) Hàng bị ế.
- b) Xuất hiện nhiều đồ chơi bằng nhựa đẹp hơn.
- c) Những đồ chơi bằng nhựa xuất hiện vì thế hàng của bác bị ế.
- d) Vì hàng của bác dạo này kém chất lượng.

4. Bạn nhỏ trong truyện đã làm gì để bác Nhân vui trong buổi bán hàng cuối cùng?

- a) Cùng bác Nhân đi bán hàng.
- b) Rủ các bạn mua hết hàng của bác Nhân.
- c) Đập con lợn đất, lấy tiền, nhờ các bạn mua giúp đồ chơi của bác.
- d) Nói với mẹ hãy mua hết hàng của bác Nhân.

5. Hành động của bạn nhỏ cho thấy bạn là người thế nào?

- a) Bạn rất nhân hậu, thương người, dám chi số tiền dành dụm của mình để mang lại niềm vui cho người khác.
- b) Bạn rất nhân hậu và biết chọn cách làm tế nhị, khéo léo không để bác hàng xóm tủi thân.

c) Bạn hiểu bác hàng xóm, biết an ủi bác, làm bác tin tưởng là trẻ con vẫn thích đồ chơi của bác nên khi trở về quê, bác sẽ không bỏ nghề, tiếp tục nặn đồ chơi để bán.

d) Cả a, b và c đều đúng.

6. Dùng dấu nào thích hợp cho những chữ in đậm trong đoạn văn sau đây:

Ông Dũng có hai người con đều **giỏi** giang ca. Chú Nghĩa con trai ông bây giờ là kĩ sư, làm **o mo**. Còn cô **Hai**, con gái ông, là bác sĩ **mô nôi** tiếng ở bệnh viện **tin**h.

a) Dấu ngã

b) Dấu sắc

c) Dấu hỏi

d) Dấu huyền.

7. Chọn từ nào điền vào các chỗ trống trong đoạn ca dao sau đây:

... khoe ... tỏ hơn đèn.

Cớ sao ... phải chịu luồn đám mây?

Đèn khoe đèn to hơn ...

Đèn ra trước gió còn chẳng hồi đèn.

a) Trăng

b) Chăng

c) Trăn

d) Chăn

Đọc kĩ bài tập đọc sau và trả lời các câu hỏi 8, 9, 10

Đàn bê của anh Hồ Giáo

Đã sang tháng ba, đồng cỏ Ba Vì vẫn giữ nguyên vẻ đẹp như hồi đầu xuân. Không khị trong lành và rất ngọt ngào. Bầu trời cao vút, trập trùng những đám mây trắng...

Hồ Giáo đứng đã lâu trên đồng cỏ. Đàn bê ăn quanh quẩn ở bên anh.

Giống như những đứa trẻ quẩn quýt bên mẹ, đàn bê cứ quẩn vào chân Hồ Giáo. Chúng vừa ăn vừa đùa nghịch. Những con bê đực, y hệt những bé trai khỏe mạnh, chốc chốc lại ngừng ăn, nhảy quẩng lên rồi chạy đuổi nhau thành một vòng tròn xung quanh anh... Những

con bê cái thì khác hẳn. Chúng rụt rè chẳng khác nào những bé gái được bà chiều chuộng, chăm bẵm, không dám cho chạy đi chơi xa... Chúng ăn nhỏ nhẹ, từ tốn. Thỉnh thoảng, một con, chừng như nhớ mẹ, chạy lại chỗ Hồ Giáo, dụi mõm vào người anh nũng nịu. Có con còn sấn vào lòng anh, quơ quơ đôi chân lên như là đòi bế.

Theo PHUƠNG VŨ

8. Tả cảnh đẹp của đồng cỏ Ba Vì, tác giả nói đến mấy sự vật?

a) Hai sự vật

b) Ba sự vật

c) Bốn sự vật

d) Năm sự vật.

9. Hình ảnh: "Đàn bê quanh quẩn ở bên anh. Giống như những đứa trẻ quẩn quýt bên mẹ, đàn bê cứ quẩn vào chân anh Hồ Giáo, vừa ăn vừa đùa nghịch" nói lên điều gì?

a) Anh Hồ Giáo rất yêu mến đàn bê.

b) Tình cảm yêu mến của đàn bê đối với anh Hồ Giáo.

c) Tình cảm yêu mến giữa anh Hồ Giáo và đàn bê.

d) Cả a, b, c đều đúng.

10. Theo em, vì sao đàn bê yêu quý anh Hồ Giáo như vậy?

a) Vì anh thường xuyên cho chúng ăn.

b) Vì anh hay nô đùa với chúng:

c) Vì anh hay tắm rửa cho chúng.

d) Vì anh yêu quý chúng, chăm bẵm chúng.

11. Dòng nào dưới đây nêu đúng công việc của người công nhân?

a) Làm giấy viết, vải mặc, giấy dép, bánh kẹo, thuốc chữa bệnh, ô tô, máy cày.

b) Chỉ đường giữ trật tự làng xóm, phố phường, bảo vệ nhân dân.

c) Bán sách, bút, vải, gạo, bánh kẹo, đồ chơi, ô tô, máy cày.

d) Cấy lúa, trồng khoai, nuôi heo, thả cá.

Đọc kĩ bài tập đọc sau và trả lời các câu hỏi 12, 13, 14:

Cháy nhà hàng xóm

Trong làng nọ có nhà bị cháy. Cả làng đổ ra, kẻ thùng, người chậu, ai nấy ra sức tìm cách dập đám cháy. Riêng có một người nhà ở ngay bên cạnh vẫn trùm chần, bình chân như vại, nghĩ:

- Cháy nhà hàng xóm, chẳng việc gì mình phải bận tâm.

Nào ngờ, lửa mỗi lúc một to, gió thổi mạnh làm tàn lửa bay tứ tung, bén sang mái nhà ông ta. Lúc bấy giờ người kia mới chồm dậy. Cuống cuống tìm cách dập lửa. Nhưng không kịp nữa rồi. Nhà cửa, của cải của ông ta đã bị ngọn lửa thiêu sạch.

TRUYỆN NGỤ NGÔN

12. Thấy có nhà cháy, mọi người trong làng làm gì?

- a) Ở nhà để bảo vệ nhà mình.
- b) Vẫn bình yên trùm chần ngủ.
- c) Mọi người đổ ra tìm cách dập đám cháy.
- d) Mọi người chạy hết ra đường nhìn đám cháy.

13. Trong lúc mọi người chữa cháy, người hàng xóm làm gì?

- a) Cùng mọi người đi chữa cháy.
- b) Xông vào đám cháy cứu người.
- c) Chạy ra đường nhìn đám cháy.
- d) Trùm chần, bình chân như vại.

14. Kết thúc câu chuyện ra sao?

- a) Nhà cửa của ông ta vẫn bình yên.
- b) Nhà cửa của ông ta bị ngọn lửa thiêu sạch.
- c) Ông ta bị bỏng nặng.
- d) Ông ta bị chết cháy.

15. Từ nào sau đây chỉ nơi tập trung đông người mua bán?

- a) Trường học
- b) Siêu thị
- c) Chợ
- d) Cửa hàng bách hóa.

TUẦN 35

ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II

1. Từ nào dưới đây có thể thay thế cho cụm từ *Khi* nào trong câu hỏi sau: *Khi nào bạn về quê thăm ông bà nội?*

- a) Bao giờ
- b) Lúc nào
- c) Tháng mấy
- d) Cả a và b đều đúng.

Đặt câu hỏi có cụm từ *khi* nào cho những câu 2 và 3:

2. Những hôm mưa phùn gió bắc, trời rét cóng tay.

- a) *Khi* nào trời rét cóng tay?
- b) Trời rét cóng tay *khi* nào?
- c) *Khi* nào có những hôm mưa phùn gió bắc?
- d) Cả a và b đều đúng.

3. Chủ nhật tới, cô giáo sẽ đưa cả lớp đi thăm vườn thú.

- a) *Khi* nào tới chủ nhật?
- b) *Khi* nào cô giáo sẽ đưa cả lớp đi thăm vườn thú?
- c) Cô giáo sẽ đưa cả lớp đi thăm vườn thú *khi* nào?
- d) Cả b và c đều đúng.

4. Có thể chia đoạn văn sau thành mấy câu?

Bố mẹ đi vắng ở nhà chỉ có Lan và em Huệ Lan bày đồ chơi ra đồ em em buồn ngủ Lan đặt em nằm xuống giường rồi hát cho em ngủ.

- a) Ba
- b) Bốn
- c) Năm
- d) Sáu.

5. Đoạn thơ sau đây có mấy từ chỉ màu sắc?

Em vẽ làng xóm	Em quay đầu đỏ
Tre xanh, lúa xanh.	Vẽ nhà em ở
Sông máng lượn quanh	Ngói mới đỏ tươi
Một dòng xanh mát	Trường học trên đồi
Trời mây bát ngát	Em tô đỏ thắm.
Xanh ngắt mùa thu...	

ĐINH HẢI

- a) Bốn.
- b) Năm.
- c) Sáu.
- d) Bảy.

Đặt câu hỏi có cụm từ ở đâu cho những câu 6, 7:

6. Giữa cánh đồng, đàn trâu đang thủng thẳng gặm cỏ.

- a) Đàn trâu đang thủng thẳng gặm cỏ ở đâu?
- b) Đàn trâu ở đâu đang thủng thẳng gặm cỏ?
- c) Ở đâu đàn trâu đang thủng thẳng gặm cỏ?
- d) Cả a, b, c đều đúng.

7. Tàu Phương Đông buông neo trong vùng biển Trường Sa.

- a) Tàu Phương Đông buông neo ở đâu?
- b) Ở đâu tàu Phương Đông buông neo?
- c) Tàu Phương Đông ở đâu buông neo?
- d) Cả a, b, c đều đúng.

Chọn lời đáp đúng nhất cho các trường hợp của các câu 8 và 9:

8. Khi ông bà tặng quà, chúc mừng sinh nhật em.

- a) Cháu rất cảm ơn ông bà. Ông bà cho cháu nhiều quà quá.
- b) Ôi! Ông bà cho cháu nhiều quà quá!
- c) Quà này cháu có rồi, nhưng không sao đâu.
- d) Sao ông bà mua nhiều quà cho cháu thế?

9. Khi các bạn trong lớp chúc mừng em được đi dự trại hè.

- a) Cảm ơn các bạn.
- b) Các bạn ở nhà vui nhé.
- c) Mình được thế là nhờ các bạn giúp đỡ!
- d) Cả a, b và c đều đúng.

Tìm bộ phận của các câu 10 và 11 trả lời cho câu hỏi Để làm gì?

10. Để người khác qua suối không bị ngã nữa, anh chiến sĩ kê lại hòn đá bị kênh.

- a) Để người khác qua suối
- b) Để người khác qua suối không bị ngã
- c) Để người khác qua suối không bị ngã nữa
- d) Để người khác qua suối không bị ngã nữa, anh chiến sĩ

11. Bông cúc tỏa hương thơm ngào ngạt để an ủi sơn ca.

- a) tỏa hương thơm ngào ngạt để an ủi sơn ca.
- b) ngào ngạt để an ủi sơn ca.
- c) ngào ngạt để an ủi sơn ca.
- d) an ủi sơn ca.

12. Chọn dấu câu nào để điền vào các ô trống trong đoạn văn sau:

Bé Sơn rất xinh. Da bé trắng hồng ☐ má phính phính ☐ môi đỏ ☐ tóc vàng hoe. Khi bé cười ☐ cái miệng không răng toét rộng ☐ trông yêu ơi là yêu!

- a) Dấu chấm
- b) Dấu phẩy
- c) Dấu hai chấm
- d) Dấu chấm phẩy

Đọc kĩ bài văn và trả lời câu hỏi 14, 15, 16, 17, 18:

Bác Hồ rèn luyện thân thể

Bác Hồ rất chăm rèn luyện thân thể. Hồi ở chiến khu Việt Bắc, sáng nào Bác cũng dậy sớm luyện tập. Bác tập chạy ở bờ suối. Bác còn tập leo núi. Bác chọn những ngọn núi cao nhất trong vùng để leo

lên với đôi bàn chân không. Có đồng chí nhắc:

- Bác nên đi giày cho khỏi đau chân.
- Cám ơn chú. Bác tập leo chân không cho quen.

Sau giờ tập, Bác tắm nước lạnh để luyện chịu đựng với giá rét.

14. Câu chuyện này kể về việc gì?

- a) Bác Hồ rèn luyện thân thể.
- b) Bác Hồ ở chiến khu Việt Bắc.
- c) Bác Hồ tập leo núi với bàn chân không
- d) Bác Hồ tắm nước lạnh để luyện tập.

15. Bác Hồ rèn luyện thân thể bằng những cách nào?

- a) Chạy, leo núi, tập thể dục.
- b) Tắm nước lạnh để luyện chịu đựng với giá rét.
- c) Chạy, leo núi, tắm nước lạnh.
- d) Cả b và c đều đúng.

16. Những cặp từ nào dưới đây cùng nghĩa với nhau?

- a) Leo – chạy
- b) Chịu đựng – rèn luyện
- c) Luyện tập – rèn luyện
- d) Leo – trèo

17. Bộ phận in nghiêng trong câu Bác tập chạy ở bờ suối trả lời cho câu hỏi nào?

- a) Làm gì?
- b) Là gì?
- c) Thế nào?
- d) Như thế nào?

18. Bộ phận in nghiêng trong câu “Bác tắm nước lạnh để luyện chịu đựng với giá rét” trả lời cho câu hỏi nào?

- a) Vì sao?
- b) Để làm gì?
- c) Khi nào?
- d) Ở đâu?

ĐÁP ÁN

TUẦN 19

1.d 2.b 3.c 4.a

5.c. Gồm sáu câu. Đó là các câu:

1. Xuân làm cho cây lá tốt tươi.
2. Hạ cho trái ngọt, hoa thơm.
3. Thu làm cho trời xanh cao, cho học sinh nhớ ngày tựu trường.
4. Còn cháu Đông, ai mà ghét cháu được!
5. Cháu có công ấp ủ mầm sống để xuân về cây cối đâm chồi nảy lộc.
6. Các cháu đều có ích, đều đáng yêu.

6.b. Có bốn tên riêng. Đó là các tên: Xuân, Hạ, Thu, Đông.

7.c. Có bốn chữ. Đó là chữ: làm, lá, làm, lộc.

8.a 9.d 10.a 11.b 12.b 13.b 14.c 15.d

16.b. Hai từ xưng hô. Đó là các từ: Bác, các cháu.

17.d 18.b 19. d

TUẦN 20

1.c 2.d 3.c 4.d 5.a

6.d. Năm chữ. Đó là những chữ: rất, rất, rất, rủ, ru.

7.b. Có năm chữ. Đó là các chữ: rủ, bóng, ngủ, quả, buổi.

8.d 9.a 10.d 11.d 12.c 13.b 14.d

15.a 16.b 17.d 18.b

TUẦN 21

1.d 2.a 3.b 4.c

5.c. Ba chữ. Đó là các chữ: *rào, ràng, rồi.*

6.b. Hai chữ. Đó là các chữ: *giữa, mãi.*

7.c

8.b. Ba mục. Đó là những mục:

1. *Giờ mở cửa*
2. *Cấp thẻ mượn sách*
3. *Sách mới về*

9.c 10.d 11.d 12.c 13.a

14.c. Mười loại chim. Đó là những loại chim: *gà con, sáo, liều diều, chia vôi, chèo bẻo, khách, chim sẻ, chim sâu, tu hú, cú mèo.*

15.a

16.b. Đoạn văn gồm bốn câu. Đó là những câu:

1. *Chim nhiều không tả xiết*
2. *Chúng đậu và làm tổ thấp lắm, đứng dưới gốc cây có thể thò tay lên tổ để nhặt trứng một cách dễ dàng.*
3. *Tiếng chim kêu vang động bên tai, nói chuyện không nghe được nữa.*
4. *Thuyền đã đi xa mà vẫn thấy chim đậu trắng xoá trên những cành cây sát sông.*

17.c. Bốn chữ. Đó là những chữ: *tả, tổ, thể, tổ.*

18.d

19.b. Bốn câu. Đó là các câu:

- *Vóc người: là một con chim bé xinh đẹp.*
- *Hai chân: xinh xinh bằng hai chiếc tăm*
- *Hai cánh: nhỏ xíu.*
- *Cặp mỏ: tí tẹo bằng hai mảnh vỏ trấu chấp lại.*

20.c. Có ba câu. Đó là các câu;

1. *Thế mà hai chân tăm ấy rất nhanh nhẹn, được việc, cú nhảy liên liên.*
2. *Cánh nhỏ mà xoải nhanh vun vút.*
3. *Cặp mỏ tí hon ấy gấp sâu trên lá nhanh thoăn thoắt.*

TUẦN 22

1.b. Ba nhân vật. Đó là: *Gà rừng, Chồn, người thợ săn.*

2.a 3.d 4.a 5.c 6.b

7.c. Có bốn loài chim. Đó là: *đại bàng chân vàng mỏ đỏ, thiên nga, Kơ púc và nhiều loại chim khác.*

8.b. Hai hình ảnh. Đó là:

- *Khi chao lượn, bóng che rợp mặt đất.*
- *Khi vỗ cánh, phát ra tiếng vi vu vi vút giống như có hàng trăm chiếc đàn cùng hòa âm.*

9.a. Hai chi tiết. Đó là:

- *mình đỏ chót và nhỏ như quả ớt,*
- *mỏ thanh mảnh.*

10.c

11.b. Hai nhân vật. Đó là: *Cò, Cuốc*

12.d 13.d 14.c

TUẦN 23

1.b 2.a 3.c 4.b

5.b. Hai tên riêng. Đó là *Sói* và *Ngựa*.

6.c

7.b. Ba câu. Đó là những câu:

1. Muốn ăn thịt *Ngựa*, *Sói* giả làm bác sĩ, đến gần *Ngựa*, bảo:
"Có bệnh ta chữa giúp cho."
2. *Ngựa* biết mưu của *Sói*, vờ nhờ *Sói* khám giúp chân sau.
3. *Sói* định cắn vào chân cho *Ngựa* hết chạy, nhưng *Ngựa* đã
kịp thời tung vó, đá cho *Sói* một cú trời giáng.

8.c. Bốn điều. Đó là:

1. Mua vé tham quan trước khi lên đảo.
2. Không trêu chọc thú nuôi trong chuồng.
3. Không cho thú ăn các loại thức ăn lạ.
4. Giữ gìn vệ sinh chung trên đảo.

9.c 10.d 11.a 12.c 13.d 14.c 15.a

16.c 17.d

TUẦN 24

1.c 2.a 3.c 4.b 5.c 6.c 7.d

8.b 9.d 10.b 11.c 12.b 13.a 14.a

15.b 16.d 17.d 18.b 19.a 20.d

TUẦN 25

1.c 2.a 3.b 4.d 5.c

6.d. Có bảy vùng. Đó là các vùng:

1. Phía tây Bắc Bộ
2. Phía đông Bắc Bộ
3. Các tỉnh từ Thanh Hóa đến Thừa Thiên – Huế
4. Các tỉnh từ Đà Nẵng đến Bình Thuận
5. Các tỉnh Tây Nguyên
6. Các tỉnh Nam Bộ
7. Khu vực Hà Nội

7.a 8.d 9.b 10.b 11.c 12.d 13.a

14.a 15.d 16.d 17.c

TUẦN 26

1.a 2.c 3.d 4.d 5.b

6.a. Ba câu. Đó là các câu:

1. *Việt* đang say sưa ngắm bể cá cảnh, bỗng hỏi *Lân*: Anh này,
vì sao cá không biết nói nhỉ?
2. *Lân* đáp: Em hỏi thật ngớ ngẩn.
3. Nếu miệng em ngậm đầy nước, em có nói được không?

7.c. Năm dấu câu. Đó là các dấu: dấu hỏi, dấu phẩy, dấu hai chấm,
dấu gạch ngang, dấu chấm.

8.b.

9.c. Ba màu xanh. Đó là: *xanh thắm*, *xanh biếc*, *xanh non*.

10.d 11.b 12.d 13.c 14.b 15.d 16.c

17.d 18.c 19.b 20.c

TUẦN 27

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

1.a 2.c 3.d 4.c 5.d

6.c. Năm câu. Đó là các câu:

1. Trời đã vào thu.
2. Những đám mây bớt đổi màu.
3. Trời bớt nặng.
4. Gió hanh heo đã rải khắp cánh đồng.
5. Trời xanh và cao dần lên.

7.a 8.c 9.d 10.d 11.c 12.b 13.c
14.b 15.a 16.b 17.d 18.d

TUẦN 28

1.a 2.b 3.b 4.d 5.b 6.d 7.b
8.c 9.b 10.b

11.c. Bốn sự vật. Đó là các sự vật: Lá / tàu dừa / ngọn dừa / thân dừa / quả dừa.

12.b. Năm sự vật. Đó là những sự vật: gió, trăng, mây, nắng, đàn cò.

13.d. 14.b

15.d. Bảy bộ phận. Đó là: màu sắc, cuống, tai, vỏ, ruột, múi, mùi vị.

16.d

TUẦN 29

1.c. Bốn nhân vật. Họ là: Ông, bé Xuân, bé Vân, bé Việt.

2.c 3.a 4.b 5.d 6.a

7.c. Bốn bộ phận. Đó là các bộ phận: thân cây, cành cây, ngọn cây, rễ cây.

8.a 9.c 10.a

11.c. Tám bộ phận. Đó là các bộ phận: rễ, gốc, thân, cành, lá, hoa, quả, ngọn.

12.d 13.c 14.d 15.c

16.b. Năm dấu câu. Đó là: dấu chấm, dấu chấm than, dấu phẩy, dấu hỏi, dấu gạch ngang.

17.c 18.d 19.c 20.a 21.b

TUẦN 30

1.b 2.d 3.c 4.b 5.c 6.d 7.c
8.a 9.a 10.d 11.b 12.d 13.a 14.c
15.b 16.c 17.a 18.b

TUẦN 31

1.c 2.a 3.d 4.d 5.c

6.b. Ba tên riêng. Đó là: Bác, Việt Nam, Trường Sơn.

7.d

8.b. Ba loài cây. Đó là: vụn tuế, dầu nước, hoa ban.

9.d. Có bảy loại hoa. Đó là: hoa ban, hoa đào Sơn La, hoa sứ đỏ Nam Bộ, hoa dạ hương, hoa nhài, hoa mộc, hoa ngâu.

10.c 11.a 12.d 13.b 14.c 15.d 16.b 17.d 18.d

TUẦN 32

1.c 2.a 3.d

4.b. Có tám dân tộc. Đó là các dân tộc: *Khơ-mú, Thái, Mường, Dao, Hmông, Ê-đê, Ba-na, Kinh.*

5.a 6.c 7.d 8.c 9.a 10.d 11.d 12.c 13.b

14.a 15.b 16.d 17.d 18.d 19.d 20.a

TUẦN 33

1.b 2.a 3.c 4.d 5.d 6.c 7.b 8.d 9.a

10.c 11.c 12.b 13.d 14.a 15.b 16.d 17.d.

TUẦN 34

1.c 2.d 3.c 4.c 5.d 6.c 7.a

8.a. Hai sự vật. Đó là những sự vật:

- *Không khí*: trong lành và rất ngọt ngào.
- *Bầu trời*: cao vút, trập trùng những đám mây trắng.

9.b 10.d 11.a 12.c 13.d 14.b 15.c

TUẦN 35

1.d 2.d 3.d

4.c. Năm câu. Đó là các câu:

1. *Bố mẹ đi vắng.*
 2. *Ở nhà chỉ có Lan và em Huệ.*
 3. *Lan bày đồ chơi ra đồ em.*
 4. *Em buồn ngủ.*
 5. *Lam đặt em nằm xuống giường rồi hát cho em ngủ.*
- 5.c. Sáu từ. Đó là các từ: *xanh, xanh mát, xanh ngắt, đỏ, đỏ tươi, đỏ thắm.*

6.d 7.d 8.a 9.d 10.c 11.c 12.b 13.a 14.d
15.d 16.a 17.b

Mục lục

	CÂU HỎI	ĐÁP ÁN
	Trang	Trang
Tuần 19:	3	111
Tuần 20:	10	111
Tuần 21:	17	112
Tuần 22:	24	113
Tuần 23:	29	114
Tuần 24:	36	114
Tuần 25:	44	115
Tuần 26:	51	115
Tuần 27:	58	116
Tuần 28:	62	116
Tuần 29:	68	117
Tuần 30:	75	117
Tuần 31:	82	117
Tuần 32:	89	118
Tuần 33:	95	118
Tuần 34:	102	118
Tuần 35:	107	119